

SỐ 99

KINH TẠP A-HÀM (III)

雜 阿 含 經

Hán dịch: Tống, Tam tạng Câu-na-bạt-dà-la.

Việt dịch: Thích Đức Thắng.

Hiệu đính & Chú thích: TUỆ SỸ.

TẠP A-HÀM QUYỂN 45

KINH 1198. A-LẠP-TỲ¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ² ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-dà³ tọa thiền.

Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-dàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-dà tọa thiền. Nay ta nên đến đó làm trở ngại.” Liên biến thành thiếu niên tưởng mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni ấy nói với Tỳ-kheo-ni rằng:

“A-di muốn đi đâu?”

Tỳ-kheo-ni đáp:

“Hiền giả, tôi muốn đi đến chỗ thật xa.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Đời không thể ra khỏi,
Viễn ly để làm gì?
Trở về hưởng ngũ dục,
Chờ về sau hối hận.*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ tự nghĩ: “Người này là ai mà

¹. Đại Chánh quyển 45. Quốc Dịch, quyển 39, “Tụng viii. Kệ. 7. Tương ưng Tỳ-kheo-ni”. Ấn Thuận, “Tụng viii. Tám chúng. 23. Tương ưng Tỳ-kheo-ni”, mười kinh: 1298-1307 (Đại Chánh: 1198-1207). Phật Quang, quyển 45. –Pāli, S. 5. 1. Ālavikā. Cf. Theri 57-59. Biệt dịch, №100(214).

². A-lạp-tỳ 阿臘毘 . Pāli: Ālavikā bhikkhuni.

³. An-dà lâm 安陀林 . Pāli: Andhavana.

muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian
giảo?" Cô liền nghĩ đây ắt là ác ma muốn náo loạn ta. Biết rõ rồi,
liền nói kệ:

*Đời có thể ra khỏi,
Ta tự biết sở đặc;
Này ác ma hèn hạ,
Ngươi không biết đạo kia.
Như dao bén tác hại,
Ngũ dục cũng như vậy.
Như thân bị xẻo thịt,
Khổ thủ uẩn cũng vậy.
Như điêu ngươi vừa nói,
Người vui hưởng ngũ dục;
Người đó không thể vui.
Nơi đó đáng sợ hãi.
Lìa tất cả hỷ lạc,
Vất bỏ mọi tối tăm;
Vì diệt tận tác chứng,
An trụ lìa các lậu.
Biết rõ ngươi ác ma,
Hãy mau chóng tự diệt.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Tỳ-kheo-ni A-lập-tỳ này đã biết rõ
tâm ta." Rồi buồn bã không vui, liền biến mất.

**

KINH 1199. TÔ-MA⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tô-ma⁵ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Tô-ma đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y

⁴. Pāli, S. 5. 2. Somā. Cf. Theri 60-62. Biệt dịch, №100(215).

⁵. Tô-ma Tỳ-kheo-ni 蘇摩比丘尼. Pāli: Somā bhikkhuni.

bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-dà tọa thiền.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-dàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tô-ma, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-dà tọa thiền. Nay ta nên đến đó làm trở ngại.” Liền biến thành thiếu niên tướng mạo đoan chính, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tô-ma hỏi rằng:

“A-di muốn đi đâu?”

Đáp:

“Hiền giả, ta muốn đi đến chỗ thật xa.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Chỗ ở của Tiên nhân,
Nơi đó khó đến được.
Trí bằng hai ngón tay⁶,
Chẳng thể đến nơi đó.*

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tô-ma tự nghĩ: “Người này là ai mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian giảo?” Nghĩ vậy rồi, cô liền biết rõ đây là ác ma muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Tâm nhập vào chánh thọ⁷,
Thân nữ có làm sao?
Khi trí tuệ phát sanh,
Liền được pháp Vô thượng.
Đối với tướng nam, nữ,
Nếu tâm không xa lìa,
Người đó nghe theo ma,
Người nên đến đó nói.
Lìa xa tất cả khổ,
Vất bỏ mọi tối tăm;*

⁶. Nhị chỉ trí 二指智. Pāli: dvāṅgulapaññā, trí tuệ bằng hai ngón tay. Chỉ trí tuệ người nữ. SA. i. 190: yasmā vā dvīhi aṅgulehi kappāsavaṭṭim gahetvā suttam kantati, “Bởi vì (người nữ) dùng hai ngón tay nắm mép vải rồi khâu chỉ.”

⁷. Pāli: cittamhi susamāhite, khi tâm nhập chánh định.

*Mau diệt tận chứng đắc,
An trụ các lậu sạch.
Biết rõ người ác ma,
Hãy mau chóng tự diệt.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tô-ma này đã biết rõ tâm ta.” Rồi buồn bã không vui, liền biến mất.

**
*

KINH 1200. CÙ-ĐÀM-DI⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-dà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di⁹ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-dà, kiết già phu tọa, nhập chánh thọ ban ngày, dưới bóng cây.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-dà, kiết già phu tọa, nhập chánh thọ ban ngày, dưới một bóng cây. Nay ta hãy đến đó làm trở ngại.” Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di nói kệ:

*Có phải người chôn con,
Mặt buồn râu khóc lóc?
Một mình dưới bóng cây,
Muốn tìm nam tử nào?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá tự nghĩ: “Là ai mà muốn khống bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, cô

⁸. Pāli, S. 5. 3. Gotamī. Biệt dịch, N°100(216).

⁹. Cát-ly-xá Cù-đàm-di 吉離舍瞿曇彌. Pāli: Kisāgotamī.

liền biết rõ đây là ác Ma Ba-tuần đến nhiễu loạn ta. Biết là ma rồi, liền nói kệ:

*Con cái, cùng biên tế¹⁰,
Tất cả đều mất hết.
Đây biên tế nam tử¹¹,
Đã vượt tường nam tử.
Không nǎo, không lo sầu,
Phật dạy làm, đã làm;
Tất cả lìa ưu khổ,
Bỏ tất cả tối tăm.
Đã diệt tận tác chứng,
Hết các lậu, an ổn.
Đã biết người ma xấu,
Hãy mất đi khỏi đây.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di đã biết rõ tâm ta.” Rồi buồn lo khổ nǎo, liền biến mất.

**

KINH 1201. LIÊN HOA SẮC¹²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc¹³ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở

¹⁰. Pāli: accanta, tận cùng, không còn gì nữa. Bản Hán hiểu là ananta: không biên tế.

¹¹. Hán sát nghĩa đen Pāli: purisā etad antikā, “Những người đàn ông, đã chấm dứt”.

¹². Pāli, S. 5. 5. Uppalavaṇṇā. Cf. Theri. 230-233. Biệt dịch, №100(217).

¹³. Ưu-bát-la-sắc 優鉢羅色; Hán thường được biết qua tên Liên Hoa Sắc. Pāli: Uppalavaṇṇā.

nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-dà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta hãy đến đó làm trở ngại.” Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc nói kệ:

*Cây kiên cố¹⁴ hoa đẹp,
Nương nghỉ dưới bóng cây;
Một mình không bè bạn,
Không sợ người khác sao?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc tự nghĩ: “Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Suy nghĩ như vậy, biết rõ đây ắt là ác ma muốn nhiễu loạn ta chăng? Liền nói kệ:

*Giả sử có trăm nghìn,
Đều là người gian xảo;
Như ác ma các người,
Có đi đến chỗ tôi.
Cũng không động lông tóc.
Không sợ người, ác ma.*

Ma lại nói kệ:

*Nay ta vào bụng người,
Sẽ ở trong nội tạng;
Hoặc giữa hai lông mày,
Người không thể thấy ta.*

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc lại nói kệ:

*Tâm tôi có sức lớn,
Khéo tu tập thân thông;
Đã giải thoát ràng buộc,
Không sợ người, ác ma.*

¹⁴. Kiên cố thọ 堅固樹; cây sa-la; nhưng bản Hán đọc là sara: kiên cố, thay vì sāla.

*Ta đã nhổ ba cẩu,
Cội gốc của khủng bố;
Trụ vào đất an ổn,
Đối quân ma không sợ.
Đối tất cả ái hỷ,
Xa lìa mọi tối tăm;
Đối tịch diệt đã chứng,
Các lậu hết, an trụ.
Biết rõ người, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc đã biết rõ tâm ta.” Rồi ôm lòng sâu lo, liền biến mất.

**
*

KINH 1202. THI-LA¹⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thi-la¹⁶ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-dàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.” Liền biến thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước Tỳ-kheo-ni Thi-la nói kệ:

¹⁵. Pāli, S. 5. 10. Vajirā. Biệt dịch, N°100(218).

¹⁶. Thi-la Tỳ-kheo-ni 羅比丘尼 . Pāli: Vajirā bhikkhuni.

*Chúng sanh sanh làm sao?
Ai là người tạo nó?
Chúng sanh khởi chổ nào?
Và rồi đi về đâu?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-la tự nghĩ: “Đó là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, biết rõ đó là ác ma muốn gây chướng nạn, liền nói kệ:

*Người bảo có chúng sanh,
Đó là thấy của ma.
Chỉ có uẩn trống rỗng,
Không có ai chúng sanh.
Nhiều thanh gỗ hợp lại,
Đời gọi nó là xe;
Các uẩn do duyên hợp,
Tạm gọi là chúng sanh.
Sanh này là khổ sanh,
Trụ cũng là khổ trụ;
Không pháp nào sanh khổ,
Khổ sanh, khổ tự diệt.
Xả tất cả ưu khổ,
Xa lìa mọi tối tăm;
Đối tịch diệt, đã chứng,
Các lậu hết, an trụ.
Đã biết người, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Thi-la đã biết rõ tâm ta.’ Nên ôm lòng lo lắng, liền biến mất.

**
*

KINH 1203. TỲ-LA¹⁷

Tôi nghe như vầy:
Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà,

¹⁷. Pāli, S. 5. 9. Selā. Biệt dịch, №100(219).

nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tỳ-la¹⁸ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.” Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, nói kệ:

Làm sao tạo hình¹⁹ này?

Ai là người tạo nó?

Hình này khởi từ đâu?

Hình này đến chỗ nào?

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Tỳ-la tự nghĩ: “Đây là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo?” Nghĩ như vậy, liền biết rõ ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn, liền nói kệ:

Hình này không tự tạo,

Cũng không người khác tạo.

Nhân duyên hợp mà sanh,

Duyên tan tức biến diệt.

Như đời gieo hạt giống,

Nhờ đất đai mà sanh;

Đủ đất, nước, lửa, gió.

Ấm giới nhập cũng thế;

Nhân duyên hòa hợp sanh.

Duyên lìa thì biến diệt.

Xả tất cả ưu khổ,

^{18.} Tỳ-la Tỳ-kheo-ni 比丘尼 . Pāli: Selā bhikkhuni.

^{19.} Hán: hình 形 . Pāli: bimba, hình bóng, ảnh tượng.

*Xa lìa mọi tối tăm.
Đối tịch diệt, đã chứng,
Các lậu hết, an trụ.
Vì biết người, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tỳ-la đã biết rõ tâm ta.” Nên sanh lòng lo lắng, liền biến mất.

**
*

KINH 1204. TỲ-XÀ-DA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da²¹ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-dàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước cô, nói kệ:

*Nay cô còn tuổi trẻ,
Tôi cũng còn trẻ tuổi;
Nơi này, cùng ở chung,
Tạo năm thứ âm nhạc.
Để cùng nhau vui hưởng,
Thiên tư để làm gì?*

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da tự nghĩ: ‘Đây là những người nào

²⁰. Pāli, S. 5. 4. Vijaya. Cf. Theri. 139-140. Biệt dịch, №100(220).

²¹. Tỳ-xà-da Tỳ-kheo-ni 麵闍耶比丘尼. Pāli: Vijayā bhikkhuni.

mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? Nghĩ vậy rồi, biết rõ đây là ác Ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Ca múa, các nghệ thuật,
Các thú cùng vui chơi;
Nay đều cho người hết,
Ta chẳng cần đến chúng.
Nếu chánh thọ vắng lặng,
Thì ngũ dục trôi, người;
Tất cả đều cùng cho,
Ta cũng không cần chúng²².
Bỏ tất cả vui vẻ,
Xa lìa mọi tối tăm;
Đã tác chứng, tịch diệt,
Các lậu hết, an trụ.
Đã biết người, ác ma,
Hãy tự biến khỏi đây.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da đã biết rõ tâm ta.’ Nên trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

**
*

KINH 1205. GIÁ-LA²³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Giá-la²⁴ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

²². Tham chiếu Pāli: ye ca rūpūgatā sattā, ye ca arūpaṭṭhāyino; yā ca santā samapatti, sabbattha vihato tamo' ti, “Chúng sanh sanh sắc giới; chúng sanh hành vô sắc; và chánh thọ tịch tĩnh; ở tất cả nơi ấy, bóng tối bị tiêu diệt”.

²³. Pāli, S. 5. 6. Cālā. Biệt dịch, №100(221).

²⁴. Giá-la Tỳ-kheo-ni 遮羅比丘尼. Pāli: Cālā bhikkhuni.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-dàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước Tỳ-kheo-ni Giá-la nói kệ:

*Biết thọ sanh là vui²⁵,
Sanh hưởng thụ ngũ dục²⁶.
Ai đã truyền dạy cô,
Khiến chán lìa thọ sanh?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Giá-la tự nghĩ: ‘Đây là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? mà đến đây muốn nhiễu loạn,’ liền nói kệ:

*Có sanh ắt có chết,
Sanh thì chịu các khổ:
Roi vọt, các khổ não,
Duyên sanh có tất cả.
Hãy đoạn tất cả khổ,
Siêu việt hết thảy sanh;
Tuệ nhän quán Thánh đế,
Những gì Mâu-ni nói:
Khổ khổ và khổ tập,
Diệt tận lìa các khổ;
Tu tập tâm Thánh đạo,
An ổn đến Niết-bàn.
Pháp Đại Sư bình đẳng,
Tôi hâm mộ pháp này;
Vì tôi biết pháp này,*

²⁵. Giác thọ sanh vì lạc 覺受生爲樂. Bản Pāli: kiñ nu jātiñ na rocesi, “Sao cô không thích sự thọ sanh?”

²⁶. Trong bản Pāli, câu này được hiểu là trả lời của Cālā: jāto kāmāni bhuñjati.

*Không thích thọ sanh nữa.
Lìa tất cả buồn vui,
Xả bỏ mọi tối tăm;
Đã tác chứng tịch diệt,
Phiền não hết, an trụ.
Biết rõ người, ác ma,
Hãy biến khói nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Giá-la đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

**

KINH 1206. ỦU-BA-GIÁ-LA²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la²⁸ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-đà ngồi dưới bóng một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta hãy đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la nói kệ:

*Trên cõi Tam thập tam,
Diệm-ma, Đâu-suất-đà;
Hóa lạc, Tha tự tại,
Nguyễn được sanh về đó.*

²⁷. Pāli, S. 5. 7. Upacālā. Cf. Theri. 197-198, 200-201. Biệt dịch, №100(222).

²⁸. Ưu-ba-giá-la 優波遮羅. Pāli: Upacālā bhikkhuni.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la tự nghĩ: “Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo?” Tự nghĩ đã biết rõ đây ắt là ác ma muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Trên cõi Tam thập tam,
Diệm-ma, Đâu-suất-dà;
Hoa lạc, Tha tự tại,
Trên các cõi trời ấy.
Không lìa hành hữu vi²⁹,
Nên bị Ma khống chế;
Tất cả các thế gian,
Đều là tụ các hành.
Tất cả các thế gian,
Đều là pháp dao động;
Tất cả các thế gian,
Lửa khổ thường cháy mạnh.
Tất cả các thế gian,
Đều khởi dậy khói bụi.
Không động cũng không lay;
Không tập cận phàm phu;
Không rơi vào đường ma;
Ở nơi đó an vui;
Lìa tất cả ưu khổ,
Xả bỏ mọi tối tăm.
Đã tác chứng tịch diệt,
Các lậu hết, an trụ.
Đã biết ngươi, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la đã biết rõ tâm ta’, trong lòng ôm lo, lặng lẽ biến mất.

**
*

²⁹. Bản Pāli: kāmabandhanabaddhā te, “chúng bị trói bởi sợi dây ái dục”.

KINH 1207. THI-LỢI-SA-GIÁ-LA³⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la³¹ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Hôm nay Sa-môn Cù-dàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.' Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la nói rằng:

"A-di! Cô thích đạo giáo³² nào?"

Tỳ-kheo-ni đáp:

"Tôi không thích bất cứ đạo giáo nào."

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Cô chấp nhận chỗ nào,
Cao tóc làm Sa-môn;
Mình đắp y ca-sa,
Mà làm tướng xuất gia;
Đối các đạo không thích,
Mà sống ôm ngu si?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la tự nghĩ: 'Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? Nghĩ vậy rồi, tự biết rõ là ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loạn, liền nói kệ:

³⁰. Pāli, S. 5. 8. Sisupacālā. Biệt dịch, N°100(223).

³¹. Thi-lợi-sa-giá-la 施利沙遮羅 . Pāli: Sisupacālā bhikkhuni.

³². Pāli: pāsaṇḍa, đạo giáo, giáo phái. Đây chỉ các giáo phái ngoài Phật giáo.

*Các đạo ngoài Pháp này,
Bị các kiến trói buộc.
Bị các kiến trói rồi,
Thường bị ma khống chế.
Nếu sanh nhà họ Thích,
Không ai bằng Đại Sư;
Hay dẹp các ma oán,
Không bị chúng chế phục.
Thanh tịnh thoát tất cả,
Đạo nhän quan sát khắp;
Trí nhất thiết ắt biết,
Tôi thắng lìa các lậu.
Ngài Đại Sư của ta.
Ta chỉ thích pháp Ngài.
Ta vào pháp Ngài rồi,
Được xa lìa, vắng lặng.
Lìa tất cả ái hỷ,
Xả bỏ mọi tối tăm;
Đã tác chứng, tịch diệt,
Các lậu hết, an trụ.
Đã biết người, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

**
*

KINH 1208. AO YẾT-GIÀ³³

Tôi nghe như vầy:
Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già³⁴, tại nước Chiêm-bà.

³³. Quốc Dịch, quyển 39, nửa sau, Tụng vii. Kệ. 8. Tương Bà-kỳ-xá, hai phẩm. Ấn Thuận, 24. Tương ưng Bà-kỳ-xá, 16 kinh (Đại Chánh quyển 45, kinh 1208-1211; quyển 36, kinh 993-994). – Pāli, S. 8. 11. Gaggarā. Cf. Thera. 1252. Biệt dịch, N°100(224).

³⁴. Yết-già 揭伽. Pāli: Gaggarā pokkhaṇī.

Bấy giờ, ngày thứ mươi lăm của tháng, vào lúc bố-tát, Thế Tôn ngồi trước đại chúng. Khi trăng vừa mới mọc, lúc ấy ở trong chúng có Tôn giả Bà-kỳ-xá³⁵, nghĩ như vậy: “Bây giờ, ta muốn ở trước Thế Tôn, đọc kệ khen về thí dụ mặt trăng”. Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật rồi chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Muốn nói thì cứ nói.”

Lúc ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá liền ở trước Phật nói kệ:

*Như trăng treo hư không,
Trong sáng không mây che;
Ánh sáng trong vắng lặng,
Chiếu khắp cả mươi phương.
Như Lai cũng như vậy,
Trí tuệ soi thế gian;
Công đức nổi tiếng thơm,
Lan tỏa khắp nơi nới.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

**

KINH 1209. KIỀU-TRẦN-NHƯ³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như ở lâu nơi a-luyện-nhã thanh vắng, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật, áp mặt lên chân Phật mà nói rằng:

“Lâu quá con không gặp Thế Tôn! Lâu quá con không gặp Thiện Thệ!”

³⁵. Bà-kỳ-xá 婆耆舍. Pāli: Vāngīsa.

³⁶. Pāli, S. 8. 9. Koṇḍañña. Thera. 1246-1248. Biệt dịch, №100(225).

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở trong chúng hội, nghĩ như vầy: “Bây giờ, ta sẽ đến trước mặt Tôn giả A-nhā Kiều-trần-như khen ngợi bằng thí dụ Thượng tọa.” Nghĩ vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Muốn nói gì thì cứ nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Thượng tọa của Thượng tọa³⁷,
Tôn giả Kiều-trần-như;
Đã độ, đã vượt qua,
Được an lạc, chánh thọ.
Ở nơi a-luyện-nhā,
Luôn vui nơi viễn ly.
Điều đệ tử cần làm,
Chánh pháp Đại Sư dạy³⁸.
Tất cả đều mở bày,
Chánh thọ, không phóng dật;
Sức đức lớn ba minh,
Trí tha tâm sáng tỏ;
Thượng tọa Kiều-trần-như,
Hộ tài sản Phật pháp;
Bằng cung kính tăng thượng,
Cúi đầu lễ chân Phật.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

**
*

³⁷. Pāli: Buddhānubuddho so thero, “Ngài là vị Thượng tọa giác ngộ theo sau Đức Phật”.

³⁸. Pāli: yam sāvekena pattaṭṭabāñ, satthusāsanakārinā, điều mà đệ tử cần đạt đến, vị thực hành giáo pháp của Đạo Sư.

KINH 1210. XÁ-LỢI-PHẤT³⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với các Tỳ-kheo hội họp tại nhà cúng dường. Tôn giả vì họ mà thuyết pháp, cú vị đầy đủ, biện tài đơn giản, dễ hiểu, ưa nghe; thông suốt không gián đoạn, hiển bày nghĩa sâu. Các Tỳ-kheo này chuyên thích đến nghe; một lòng lắng nghe, tôn kính ghi nhớ. Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ngồi giữa pháp hội, tự nghĩ: ‘Ta sẽ ở trước mặt Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ tán thán.’ Nghĩ vậy xong, liền đứng dậy chắp tay bạch:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi có điều muốn xin nói.”

Xá-lợi-phất bảo:

“Tùy sở thích mà nói.”

Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Khéo nói pháp tóm lược,
Khiến ai cũng hiểu rộng;
Ưu-bà-đề-xá hiền⁴⁰,
Giữa đại chúng tuyên dương.
Đang lúc ngài nói pháp,
Từ cổ phát tiếng hay⁴¹;
Âm thanh ái niệm vui,
Tiếng thư thả điều hòa.
Ai nghe cũng ưa thích,
Chuyên nhớ không dời đổi.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

**
*

³⁹. Pāli, S. 8. 10. Sāriputta. Thera. 1231-1233. Biệt dịch, №100(226).

⁴⁰. Ưu-bà-đề-xá 優婆提舍; Pāli: Upatissa, tên của ngài Xá-lợi-phất.

⁴¹. Pāli: sālikāyivā nigghosa, tiếng phát ra như chim sāli.

KINH 1211. NA-GIÀ SƠN⁴²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá, gần núi Na-già⁴³ cùng với năm trăm Tỳ-kheo câu hội, đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lìa bỏ các gánh nặng, chóng được lợi mình, dứt hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên quan sát tâm của đại chúng, thấy tất cả đều đã giải thoát tham dục. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa đại chúng, nghĩ như vầy: ‘Bây giờ, ta nên ở trước Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng nói kệ tán thán.’ Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Tùy sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Vô Thương Sĩ, Đạo Sư,
Trụ sườn núi Na-già;
Cùng năm trăm Tỳ-kheo,
Thân kính phụng Đạo Sư.
Tôn giả Đại Mục-liên,
Thần thông thấu rõ hết;
Quán sát tâm đại chúng,
Thảy đều lìa tham dục.
Độ đầy đủ như vậy⁴⁴,
Mâu-ni qua bờ kia;
Mang thân này sau chót,
Nay con cui đầu lẽ.*

⁴². Pāli, S. 8. 10. Moggallāna. Thera. 1240-1251. Biệt dịch, №100(227). .

⁴³. Na-già 那伽. Bản Pāli: Isigilipasse Kālasilāyam, trong hang Đá đen, trên sườn núi Isigili..

⁴⁴. Pāli: evaṁ sabbaṅgasampannaṁ, thành tựu tất cả chi phần như vậy. SA.i.284: evaṁ sabbaguṇasampannaṁ, thành tựu tất cả công đức như vậy

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

**

KINH 1212. TỰ TÚ⁴⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá⁴⁶. Bấy giờ, Phật kiết hạ an cư cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lìa các bồ gánh nặng, dứt trừ hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo là Tôn giả A-nan, được Thế Tôn ký thuyết, ngay trong đời hiện tại Tôn giả sẽ đắc vô tri chứng⁴⁷.

Bấy giờ, ngày mười lăm⁴⁸, vào giờ thực thọ⁴⁹, Thế Tôn trai tòa ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Đại Y Sư, nhổ những gai nhọn. Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Vô Thượng Y Sư, nhổ những gai nhọn. Các ông là con, từ miệng Ta sanh ra, từ pháp hóa sanh, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tú⁵⁰. Chớ để cho thân, khẩu, ý Ta có điều đáng hiềm trách.”

⁴⁵. Pāli, S. 8. 7. Pavāraṇā. Thera. 1234-1237. Biệt dịch, №100(228); №125 (32.5); №26(121); №61~ 63.

⁴⁶. Bản Pāli: Sāvatthiyam.

⁴⁷. Vô tri chứng 無知證. Có lẽ Pāli: diṭṭheva dhamme aññam̄ sacchikarissati, sẽ chứng đắc chánh trí ngay hiện pháp. Nhưng bản Hán đọc là aññāṇa: vô tri (không biết) thay vì aññā (chánh trí, chỉ quả A-la-hán).

⁴⁸. Hán dịch: thập ngũ nhật nguyệt (hay nguyệt nhật), để chỉ ngày thứ 15 của nửa tháng. Pāli: paññarasa.

⁴⁹. Thực thọ 食受. Không đoán được từ gốc. Với ý nghĩa tương tự, đoạn dưới: Hán dịch là hoài thọ 懷受. Quốc Dịch, quyển 29, cht.64, đây chỉ giờ tự tú; Pāli: pavāraṇā.

⁵⁰. Đương hoài thọ ngã 當懷受我; Hán dịch không rõ nghĩa. Nhưng theo ngữ cảnh, đây là lời tự tú, để nghị Tỳ-kheo khác nêu khuyết điểm của mình. So sánh đoạn Pāli tương đương: handa dāni, bhikkhave, pavāremi vo; na me kiñci garahatha kāyikam̄ vā vācasikam̄ vā tī, “Nay, này các Tỳ-kheo, Ta mong các ông hãy nói lên; chớ để hiềm trách Ta điều gì về thân và khẩu”.

Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa đại chúng đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lỗ chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn vừa nói rằng: “Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân cuối cùng, là Đại Y Sư, nhổ những mũi nhọn. Các ông là con, sanh ra từ miệng Ta, được hóa sanh từ pháp, được giao tài pháp. Hãy để Ta tự tú. Chớ để cho thân, khẩu, tâm ý⁵¹ Ta có điều đáng hiềm trách.”

“Bạch Thế Tôn, chúng con không thấy thân, khẩu và tâm ý của Thế Tôn có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Thế Tôn, với người không thể điều phục có thể khiến điều phục, người không tịch tĩnh có thể khiến tịch tĩnh, người không an nghỉ⁵² có thể khiến an nghỉ, người không Bát-niết-bàn có thể khiến Bát-niết-bàn. Như Lai biết đạo, Như Lai nói đạo, Như Lai hướng đạo. Các đệ tử sau đó thành tựu, tùy thuận đạo tôn sùng đạo, vâng theo lời dạy của Đạo sư sống đúng như những lời chỉ dạy, chánh hướng, hân lạc chân như thiện pháp. Đối với Thế Tôn con không thấy thân hành, khẩu hành, ý hành có điều gì đáng hiềm trách. Nay đối trước Thế Tôn, xin chỉ cho con các tội được thấy, được nghe, được nghi, hoặc thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Ta không thấy ông có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất, ông trì giới, đa văn, thiểu dục, tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phuơng tiện, chánh niệm, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy⁵³, trí tuệ sáng suốt sắc bén, trí tuệ giải thoát, trí tuệ yểm ly, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu,

^{51.} Trong bản Pāli, chỉ tự tú những điều liên hệ thân và khẩu, kāyikam vā vācasikam vā.

^{52.} Hán: tō túc 鮎息.

^{53.} Khen ngợi các trí tuệ của Xá-lợi-phất: tiệp tật trí tuệ, minh lợi trí tuệ, xuất yếu trí tuệ, yểm ly trí tuệ, đại trí tuệ, quảng trí tuệ, thâm trí tuệ, vô tỷ trí tuệ, trí bảo thành tựu 捷疾智慧明利智慧出要智慧厭離智慧大智慧廣智慧深智慧無比智慧智寶成就. So sánh Pāli: paññitapañño, tvam sāriputta, mahāpañño... putthupañño... hāsapañño... javanapañño... tikkhapañño... nibbedhikapañño, tvam, sāriputta.

trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí tuệ bảo⁵⁴; khai thị, chỉ giáo, soi sáng, hoan hỷ; và thường cũng tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, mà vì chúng sanh thuyết pháp chưa từng mồi mêt. Thí như thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương đáng thọ lễ quán đảnh; nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp quán đảnh như pháp của vua cha, những gì người đã chuyển cũng sẽ theo đó mà chuyển. Nay ông cũng như vậy, là trưởng tử của Ta, gần được thọ quán đảnh, nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp. Những gì Ta đã chuyển, ông cũng theo đó chuyển và đạt được vô sở khởi; hết các hữu lậu, tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, đối với ông, Ta không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu con không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách; vậy thì năm trăm Tỳ-kheo này có không các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật đáp:

“Đối với năm trăm Tỳ-kheo này, Ta cũng không thấy các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là A-la-hán, các lậu đã hết, những việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, đoạn các kết sử, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Trừ một Tỳ-kheo, đó là Tôn giả A-nan, Ta ký thuyết cho A-nan đối trong hiện pháp sẽ đắc vô trí chứng. Cho nên, năm trăm Tỳ-kheo, Ta không thấy họ có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, năm trăm Tỳ-kheo này đã không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách hết. Vậy trong đây có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tam minh? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Câu giải thoát? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tuệ giải thoát?”

⁵⁴. Tống-Nguyên-Minh đọc là *thật 實*. Ẩn Thuận, Quốc Dịch, Phật Quang đều đọc là *bảo 寶*.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Trong năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo được Tam minh; chín mươi Tỳ-kheo được Câu giải thoát; những vị còn lại được Tuệ giải thoát. Nay Xá-lợi-phất, những Tỳ-kheo này đã là khỏi mọi dao động, không có ai là vỏ ngoài, mà đều là lõi thật cứng chắc.”

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: “Nay ta sẽ ở trước Thế Tôn và hội chúng nói kệ tán thán sự hoài thọ.” Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lê Phật, gối phải quỳ sát đất chắp tay bạch:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Cứ nói theo những gì muốn.”

Lúc ấy, Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Ngày mười lăm thanh tịnh,
Chúng kia năm trăm người;
Đoạn trừ tất cả kết,
Đại Tiên diệt tận hữu.
Thanh tịnh tập thân cận,
Thanh tịnh rộng giải thoát;
Không còn thọ các hữu,
Sanh tử đã đoạn hẳn.
Việc cần làm đã làm,
Đã hết tất cả lậu;
Mây ngũ cái đã trừ,
Nhổ rẽ gai ái dục.
Sư tử không sợ hãi,
Lìa tất cả hữu dư;
Giết kẻ thù là hữu,
Siêu việt cảnh hữu dư.
Các oán địch hữu lậu,
Thảy đều đã tiêm phục.
Giống như Chuyển luân vương,*

*Bao dung⁵⁵ các quyền thuộc⁵⁶.
 Tâm từ rộng tuyên hóa,
 Mọi thần dân vâng theo.
 Hay phục đích ma oán,
 Là Đạo Sư Vô Thượng.
 Tâm kính tín phụng thờ,
 Ba minh, lão, tử diệt;
 Là chân tử của pháp,
 Không lo lắng dao động.
 Nhổ sạch gai phiền não,
 Kính lễ Đăng Nhật Thành.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
 *

KINH 1213. BẤT LẠC⁵⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tướng⁵⁸ ở chỗ hoang dã nơi ở của cầm thú⁵⁹. Tôn giả Bà-kỳ-xá xuất gia chưa lâu mà có những oai nghi như vầy: sống nương vào thành ấp, làng xóm. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành ấp, làng xóm đó khất thực, khéo bảo vệ thân mình, giữ gìn các căn môn, nghiệp tâm cột niệm. Ăn xong, trở về trú xứ, cất y bát, rửa chân xong, vào thất tọa thiền, giây lát xả thiền. Không chấp đắm khất

⁵⁵. Hán: hoài thọ 懷壽.

⁵⁶. Pāli: cakkavatti yathā rājā, amaccaparivārito, như Chuyển luân vương được vây quanh bởi các đại thần.

⁵⁷. Pāli, S. 8. 2. Arati. Thera. 1214-1218. Biệt dịch, №100(229).

⁵⁸. Ni-câu-luật Tướng 尼拘律相. Bản Cao-ly đọc là tướng 相. Tống-Nguyễn-Minh đọc là tưởng 想. Pāli: Nigrodhakappa, Hòa thượng của Vaṅgīsa.

⁵⁹. Bản Pāli: Ālaviyāñ Āggālave cetiye, trong miếu Āggālava, ở Ālavī. Bản Hán hiểu Ālavī là danh từ chung chứ không phải địa danh.

thực, nhưng vị kia⁶⁰ không tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chõ thâm sau, chung quanh bị che kín.

Rồi, Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: “Ta không được lợi, khó được, chứ không phải dễ được! Ta không được tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chõ thâm sau, chung quanh bị che kín. Nay ta nên nói kệ tán thán sự nhảm chán của mình.” Liền nói kệ:

*Phải bỏ vui, không vui,
Cùng tất cả giác tham⁶¹;
Không gầy dựng xòm giềng⁶²,
Lìa nihil gọi Tỳ-kheo.
Với sáu giác tâm tưởng⁶³,
Rong ruổi nơi thế gian;
Che giấu ác bất thiện,
Không thể lột bỏ vỏ.
Nơi tâm vui ô uế,
Đó không gọi Tỳ-kheo.
Trói buộc bởi hữu dư⁶⁴,
Cùng thấy, nghe, hiểu, biết.
Với người giác ngộ dục⁶⁵,
Nơi kia không còn nihil.
Người không nihil như vậy,
Thì đó là Mâu-ni.*

^{60.} Chỉ Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng. Trong bản Pāli, đoạn này nói, Nigodhakappa sau khi khất thực về, vào thất, đóng cửa cho đến chiều hôm sau. Vì vậy, Vāngīsa buồn rầu, vì không được Thầy quan tâm giáo giới.

^{61.} Tham giác 贪覺 . Pāli: gehasikam vitakkaṃ, tâm tư thế tục.

^{62.} Hán: ư lân vô sở tác 於鄰無所作 . Pāli: vanatham na kareyya kuhiñca, không tạo rùng tham ái bất cứ ở đâu.

^{63.} Lục giác tâm tưởng 六覺心想 . So Pāli: saṭṭhi nissitā savitakkā, puthū janatāya adhammaṃ niviṭṭā, y chấp nơi sáu mươi loại tâm cầu, phàm phu bị dính chặt vào phi pháp. Theo Sớ giải, với sáu cảnh, mỗi cảnh có mươi tám cầu phi pháp.

^{64.} Hữu dư 有餘 ; đây chỉ hữu dư y, phiền não làm sở y cho thọ sanh. Pāli: upadhi janā gadhitāse, chúng sanh bị trói chặt vào hữu y.

^{65.} Pāli: vinodaya chadā, đã đoạn dục.

*Đại địa và hư không,
Các sắc tượng thế gian;
Chúng là pháp biến diệt,
Vắng lặng tự quyết định.
Tu tập lâu pháp khí,
Mà được tam-ma-dê;
Không xúc, không đối nịnh,
Tâm này rất chuyên chú.
Thánh kia Niết-bàn lâu,
Cột niệm đợi thời diệt⁶⁶.*

Khi Tôn giả nói kệ tự nhảm chán, xa lìa; tâm tự khai giác đối với những điều không vui, sau khi đã khai giác rồi thì tâm trụ hân hoan.

**
*

KINH 1214. THAM DỤC⁶⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, cùng với bạn là Tôn giả Bà-kỳ-xá. Lúc này Tôn giả Bà-kỳ-xá thấy một cô gái rất xinh đẹp. Thấy rồi, tâm tham dục khởi lên. Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: “Hôm nay ta gặp bất lợi, bị khổ, không được vui. Nay ta đã gặp thiếu nữ xinh đẹp này, tâm tham dục sanh khởi. Bây giờ để sanh tâm yểm ly, ta hãy làm bài kệ.”

Liền nói kệ:

*Bị tham dục che khuất,
Hùng hực thiêu tâm ta.
Xin Tôn giả A-nan,
Vì tôi diệt lửa tham.
Khởi lòng từ thương xót,
Phương tiện vì tôi nói.*

⁶⁶. Pāli: santam padam ajjhagamā muni paṭicca parinibbuto kañkhati kālan'ti, “đã đi đến con đường tịch tĩnh, Đấng Mâu-ni y trên Niết-bàn mà chờ mệnh chung.

⁶⁷. Pāli, S. 8. 4. Ānanda. Biệt dịch, N°100(230); No 125(35.9).

Tôn giả A-nan nói kệ đáp:

*Vì tướng kia diên đảo,
 Hùng hực thiêu tâm người.
 Đối tịnh tướng xa lìa,
 Nuôi lớn lòng tham dục.
 Nên tu quán bất tịnh,
 Thường nhất tâm chánh thọ;
 Diệt nhanh lửa tham dục,
 Chớ để thiêu tâm thày.
 Quán sát kỹ các hành,
 Khổ, không, cùng phi ngã;
 Buộc niệm quán thân chánh,
 Tu tập nhiều yểm ly.
 Đối vô tướng, tu tập,
 Diệt trừ sự kiêu mạn;
 Đối mạn được hiện quán,
 Rốt ráo đối mé khổ.*

Sau khi Tôn giả A-nan nói những lời này, Bà-kỳ-xá nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1215. XUẤT LY⁶⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có già chủ thỉnh Phật và chúng Tăng về nhà họ thọ thực. Sau khi đã đến nhà họ rồi, chỉ có Tôn giả Bà-kỳ-xá vì gấp ngày trực, ở lại giữ tịnh xá, nên để dành phần ăn.

Bấy giờ, một số đồng phụ nữ của gia chủ ra khỏi tụ lạc, đi đến tịnh xá. Bà-kỳ-xá thấy các thiếu nữ có dung mạo đoan chánh, liền khởi tâm tham dục. Lúc này, Tôn giả lại nghĩ: “Hôm nay ta bất lợi, không được lợi, bị khổ, không được vui. Thấy thiếu nữ nhan sắc đoan chánh

⁶⁸. Pāli, S. 8. 1. Nikkhanta. Thera. 1209-1213. Biệt dịch, N^o100(250).

kia, liền khởi lòng tham dục. Bây giờ, ta phải làm kê yểm ly.” Nghĩ xong, liền nói kê:

*Ta đã được xuất ly,
Xuất gia, sống không nhà;
Tham dục đuổi theo ta,
Như trâu nhớ lúa mạ.
Phải như con đại tướng,
Sức mạnh cầm cung lớn;
Bắn phá trận trùng điệp,
Một người diệt cả nghìn.
Mâu-ni Đăng Nhật Thân,
Trước mặt được nghe nói;
Hướng thẳng đạo Niết-bàn,
Tâm quyết trụ an lạc.
Không buông lung như vậy,
Trụ chánh thọ vắng lặng;
Đối tâm ta không ai
Huyễn hoặc, hay lừa dối.
Quyết định khéo quán sát,
Đối chánh pháp, an trụ;
Dù cho vô số lượng,
Muốn đến mê hoặc ta.
Những ác ma như vậy,
Không thể gặp được ta.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kê xong, tâm được an trụ.

**
*

KINH 1216. KIÊU MẶN⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá tự cho trí tuệ của mình có khả

⁶⁹. Pāli, S. 8. 3. Pesalā-atimāññanā. Thera. 1219-1222. Biệt dịch, №100(251).

năng nói hay, rồi đối với những vị⁷⁰ phạm hạnh thông minh khác sanh tâm kiêu mạn, sau đó liền tự tâm nghĩ: ‘Ta bất lợi, sẽ không được lợi, bị khổ không được vui, ta tự cho mình có trí tuệ, mà đối với những người phạm hạnh thông minh khác khinh mạn. Bây giờ ta nên nói kệ sanh lòng yểm ly’, liền nói kệ:

*Cù-dàm không kiêu mạn,
 Đoạn mạn khiến vô dư;
 Không khởi giác tưởng mạn,
 Chớ thoái lùi sanh hối.
 Đối người không che giấu,
 Sát mạn rời địa ngục⁷¹;
 Chánh định hay trừ ưu,
 Thấy đạo trụ Chánh đạo.
 Tâm này được hỷ lạc,
 Thấy đạo tự thâu giữ;
 Cho nên biện không ngại,
 Thanh tịnh lìa chướng cái.
 Đoạn trừ tất cả mạn,
 Khởi minh tất cả nơi;
 Đối Tam minh, chánh niệm,
 Thần túc tha tâm trí.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ sanh lòng yểm ly rồi, tâm được thanh tịnh.

**
*

KINH 1217. BẢN DỤC CUỒNG HOẶC⁷²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu,

^{70.} Nguyên bản: ư pháp 於 法 ; theo đoạn dưới, nên sửa lại là ư bỉ 於 彼..

^{71.} Pāli: mānahatā nirayam papatanti, những người hành kiêu mạn đọa địa ngục. Mānahata, mạn mang đi, bản Hán đọc là mānahana, mạn giết hại.

^{72.} Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S. 8. 12. Vāṇīsa. Thera. 1253-1262. Biệt dịch, №100(252).

vườn phía Đông nước Xá-vệ, một mình tư duy, sống không phóng dật, chuyên tu tự nghiệp, đạt được Tam minh, tự thân tác chứng. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: ‘Ta một mình ở chỗ vắng tư duy, sống không phóng dật, chuyên tu tự nghiệp, để được Tam minh, tự thân tác chứng. Böyle giờ, ta nên nói kệ tán thán Tam minh’. Liền nói kệ:

*Trước, tâm dục cuồng hoặc⁷³,
 Đi khắp nhà, khắp xóm;
 Du hành, gặp thấy Phật,
 Dạy ta pháp thù thắng.
 Đáng Cù-dàm thương xót,
 Vì ta nói chánh pháp.
 Nghe pháp được tịnh tín,
 Xả phi gia, xuất gia.
 Nghe Ngài nói pháp rồi,
 An trú nơi pháp giáo.
 Cần phương tiện buộc niệm,
 Kiên cố thường kham năng.
 Tam minh đã đạt được,
 Lời Phật dạy đã làm.
 Thế Tôn khéo hiển bày,
 Đáng Nhật Chứng diễn nói.
 Vì chúng sanh mù lòa,
 Mở cửa xuất yểu kia;
 Khổ khổ và nhân khổ,
 Khổ diệt hết, tác chứng.
 Bát Thánh lìa đường khổ,
 An lạc đến Niết-bàn;
 Nghĩa lành, cú vị lành,
 Phạm hạnh không ai hơn.
 Thế Tôn khéo hiển bày,
 Niết-bàn cứu chúng sanh.*

**
 *

⁷³. Pāli: kāveyyamattā ... pubbe, khi xưa, ta đam mê làm thơ.

KINH 1218. BỐN PHÁP CÚ⁷⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về bốn pháp cú⁷⁵. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Những gì là bốn?

*Pháp Hiền thánh khéo nói,
Đây là điều tối thượng.
Ái ngữ chẳng phải không,
Đây là điều thứ hai.
Nói thật chẳng hụ vọng,
Đây là lời thứ ba;
Thuyết pháp không nói khác⁷⁶,
Đây là điều thứ tư.*

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là nói về bốn cú pháp.”

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: ‘Thế Tôn ở giữa bốn chúng nói về bốn cú pháp. Ta phải dùng bốn cách để khen ngợi, xưng tán và tùy hỷ.’ Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lê Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật dạy:

“Tùy theo sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Nếu ai khéo nói pháp,
Đối mình không bức não,
Cũng không khủng bố người,
Thì đó là khéo nói.*

⁷⁴. Pāli, S. 8. 5. Subhāsitā. Thera. 1227-1230; Sn. 3. 3. Subhāsita-sutta, Biệt dịch, №100 (253).

⁷⁵. Tứ pháp cú 四法句. Pāli: catūhi aṅgehi samannāgatā vācā subhāsitā, lời được khéo nói gồm có bốn chi.

⁷⁶. Pāli: dhamma bhāṣe nādhammam tam, nói pháp chứ không phải phi pháp.

*Điều người ái ngữ thuyết,
Nói làm người hoan hỷ;
Không khiến họ làm ác,
Thì đó là ái thuyết.
Nói thật, biết cam lô,
Nói thật, biết vô thương.
Nói pháp, nói nghĩa thật,
Chỗ Chánh sĩ kiến lập.
Như pháp Phật đã nói,
Đạo Niết-bàn an ổn;
Diệt trừ tất cả khổ,
Đó gọi khéo nói pháp.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1219. SƯỜN NÚI NA-GIÀ⁷⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trên sườn núi Na-già, thành Vương xá, cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, hết sạch các hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở giữa nghĩa địa trong Hàn lâm, thành Vương xá, suy nghĩ rằng: ‘Nay Thế Tôn đang ở trên sườn núi Na-già, thành Vương xá cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, hết các hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, chóng được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Nay, ta nên đến đó tán thán Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng.’ Nghĩ vậy xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Đẳng Đạo Sư Vô Thương,
Trụ bên núi Na-già;
Nghìn Tỳ-kheo quyến thuộc,*

⁷⁷. Pāli, Parosahassa. Thera. 1238-1245.

*Phụng sự Đức Như Lai.
 Pháp Đại Sư rông nói,
 Đạo Niết-bàn thanh lương;
 Chuyên nghe pháp thanh bạch,
 Mà Đăng Chánh Giác nói.
 Đăng Chánh Giác tôn kính,
 Ở ngay giữa đại chúng;
 Là Đại long đức rợp,
 Là Thượng thủ Tiên nhân.
 Nổi kín mây công đức,
 Mưa khắp chúng Thanh văn;
 Xuất chánh thọ ban ngày,
 Đến phụng sự Đại Sư.
 Đệ tử Bà-kỳ-xá,
 Cúi đầu xin đảnh lễ.*

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Tùy những gì ông nói, đừng suy nghĩ trước.”

Lúc ấy, Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Ba-tuần khởi ác mọn,
 Ngầm chế khiến diệt ngay;
 Thường ngăn chặn các ma,
 Khiến tự hiểu biết lỗi.
 Quán sát mở trói buộc,
 Phân biệt pháp thanh bạch;
 Sáng soi như nhật nguyệt,
 Làm vua các dị đạo.
 Chúng ngộ trí siêu xuất,
 Diễn nói pháp đệ nhất.
 Ra các dòng phiền não,
 Nói về đạo vô lượng.
 Đối cam lô, kiến lập,
 Kiến đế, pháp chân thật;*

*Tùy thuận đạo như vậy,
Khó gặp Thầy như vậy.
Kiến lập đạo cam lô,
Kiến đế, sùng viễn ly;
Thế Tôn khéo thuyết pháp,
Trừ ấm cái cho người.
Thấy rõ đối các pháp,
Theo học để điều phục.*

Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ này rồi, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

**
*

KINH 1220. NHỎ TÊN⁷⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, nơi ở của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về pháp tương ứng bốn Thánh đế. Đó là: Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: ‘Nay ta nên đến trước Thế Tôn tán thán về ví dụ nhỏ mũi tên.’ Nghĩ như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Tùy sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Con nay kính lễ Phật,
Thương xót mọi chúng sanh.
Thứ nhất nhỏ tên nhọn,
Cách trị các bệnh, khéo.
Thầy thuốc Ca-lô-y⁷⁹,*

^{78.} Biệt dịch, N°100(254).

Thầy thuốc Ba-hầu-la⁸⁰;
 Và thầy Chiêm-bà-kỳ⁸¹,
 Thầy Kỳ-bà⁸² chữa bệnh.
 Hoặc có bệnh hơi khỏi,
 Gọi là trị bệnh hay;
 Sau đó bệnh phát lại,
 Bệnh kéo dài đến chết.
 Đại Y Vương, Chánh Giác,
 Khéo cho thuốc chúng sanh;
 Trừ các khổ, rốt ráo,
 Không còn thọ các hữu.
 Cho đến trăm nghìn thứ,
 Na-do-tha số bệnh;
 Phật đều chữa trị hết,
 Rốt ráo thoát khỏi khổ.
 Các ông thuốc nếu họp,
 Con át sẽ bảo họ;
 Được thuốc pháp cam lộ,
 Tùy sở thích mà uống.
 Đệ nhất nhổ tên nhọn,
 Khéo hiểu biết các bệnh;
 Tối thượng trong chữa trị,
 Con đánh lẽ Cù-dàm.

Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói những lời này, các Tỳ-kheo nghe
những gì Tôn giả Bà-kỳ-xá nói, đều rất hoan hỷ.

**
*

KINH 1221. NI-CÂU-LUẬT TUỞNG⁸³

Tôi nghe như vầy:

^{79.} Ca-lô-y 迦露醫.

^{80.} Ba-hầu-la 波睞羅.

^{81.} Chiêm-bà-kỳ 瞳婆耆.

^{82.} Kỳ-bà 婪婆. Pāli: Jivaka-komārabhacca, thái y của vua Tần-bà-sa-la (Bimbisāra).

^{83.} Pāli, Theravada, 1263-1279; Sn. 2. 12. Vāngīsa-sutta. Biệt dịch, N°100(255).

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng ở nơi hoang dã chỗ ở của cầm thú, bị bệnh thật là nặng. Tôn giả Bà-kỳ-xá là người nuôi bệnh, chăm sóc, cung phụng. Nhưng Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng vì bệnh tật nặng quá, nên đã Bát-niết-bàn. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: ‘Hòa thượng của ta Niết-bàn là Hữu dư Niết-bàn hay là Vô dư Niết-bàn? Nay ta nên tìm cầu tướng này.’

Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá cúng dường xá-lợi Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng xong, mang y bát đi về thành Vương xá. Lần lượt đến thành Vương xá, cất y bát, rửa chân xong, rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Nay con lạy Đại Sư,
Đảng Chánh Giác không giảm⁸⁴;
Ở trong hiện pháp này,
Đoạn tất cả lưới nghi.
Tỳ-kheo ở khoáng dã,
Mạng chung Bát-niết-bàn;
Oai nghi nhiếp các căn,
Đức lớn nêu ở đời;
Được Thế Tôn đặt tên,
Gọi Ni-câu-luật Tưởng.
Nay con hỏi Thế Tôn,
Người bất động giải thoát;
Siêng năng cần phương tiện,
Vì con nói công đức.
Con là họ Thích-ca,
Đệ tử pháp Thế Tôn;
Ngoài ra còn muốn biết,
Những gì Đạo Nhã nói.
Chúng con đang ở đây,
Tất cả đều muốn nghe;
Thế Tôn là Đại Sư,
Cứu thế gian vô thương.*

⁸⁴. Bản Cao-ly đọc là diệt 滅. Tống-Nguyễn-Minh đọc là giảm 減.

Đại Mâu-ni dứt nghi,
 Trí tuệ đã đầy đủ;
 Đạo nhẫn thân chiểu khắp,
 Ánh sáng hiển bốn chung.
 Giống như Thiên đế Thích,
 Chiểu trời Tam thập tam;
 Các tham dục nghi hoặc,
 Đầu từ vô minh khởi.
 Nếu được gặp Như Lai,
 Thì diệt măt không còn.
 Đạo nhẫn thân Thế Tôn,
 Là Tối thượng thế gian.
 Diệt trừ lõi chúng sanh,
 Như gió thổi bụi bay;
 Tất cả các thế gian,
 Phiền não che giấu măt.
 Còn lại đều không có,
 Măt sáng như của Phật;
 Tuệ quang chiểu khắp cả,
 Khiến đồng đại tinh tấn.
 Cúi xin Đấng Đại Trí,
 Nên vì chúng kỵ thuyết;
 Phát âm thanh vi diệu,
 Chúng con một lòng nghe.
 Diễn nói lời dịu dàng,
 Các thế gian nghe khắp;
 Giống như nóng, khát, bức,
 Tìm kiếm nước mát mẻ.
 Như Phật, biết không giảm,
 Chúng con cũng mong biết.

Tôn giả Bà-kỳ-xá lại nói kệ:

Nay nghe Đấng Vô Thượng,
 Ký thuyết công đức kia;
 Không uổng tu phạm hạnh,

*Con nghe rất hoan hỷ.
Nói tùy thuận như thuyết,
Đệ tử thuận Mâu-ni;
Cắt dây dài sanh tử,
Và dây trói hư, huyễn.
Vì nhὸ gặp Thế Tôn,
Nên đoạn trừ các ái;
Qua khỏi bờ sanh tử,
Không còn thọ các hữu.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

□

TẠP A-HÀM QUYỂN 46

KINH 1222. TỔ CHIM¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, chư Thiên và A-tu-la dàn trận đánh nhau. A-tu-la thắng, chư Thiên thua. Lúc ấy, quân của Thiên đế Thích thua, thoái lui tan rã, nên rất sợ hãi, quay xe chạy theo hướng Bắc, trở về cung trời, qua đường tắt trong rừng rậm dưới chân núi Tu-di. Nơi đây có một tổ Kim sí điểu², có nhiều chim con cánh vàng. Lúc ấy Đế Thích sợ xe ngựa đi qua sẽ cán chết những chim con, liền bảo người đánh xe rằng:

“Hãy quay xe lại, chờ giết những chim con!”

Người đánh xe tâu vua:

“Quân A-tu-la đang đuổi theo người phía sau, nếu quay xe lại sẽ bị khốn.”

Đế Thích bảo:

“Thà nên quay lại bị A-tu-la giết, chứ không để quân lính dẫm chết chúng sanh.”

Người đánh xe, quay xe trở lại hướng Nam. Quân A-tu-la từ xa trông thấy xe Đế Thích quay lại, cho rằng đó là chiến sách nên vội rút lui lại. Quân lính rất sợ hãi, thua trận chạy tán loạn trở về cung A-tu-la.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam, nhờ từ tâm nên có oai lực dẹp được quân A-tu-la và cũng thường tán thán

¹. Đại Chánh quyển 46. Phật Quang, quyển 41. Ấn Thuận, Tụng viii, “19. Tương ưng Đế thích” tiếp theo Đại Chánh quyển 41. Quốc Dịch, quyển 35, Tụng vii, “3. Tương ưng Đế thích” tiếp theo. Tương đương Pāli, S. 11. 1. 6. Kulāvaka. Biệt dịch, №100(49).

². Kim sí điểu 金 翅 鳥. (Pāli: garuḷa); S. ibid. kuṭāvakā simbalismim, có những tổ chim trên cây bông gòn.

công đức từ tâm. Tỳ-kheo các ông chánh tín xuất gia học đạo, không nhả, phải tu tập từ tâm và cũng nên tán thán công đức từ tâm.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1223. NGƯỜI NGHÈO³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, trong thành Vương xá có một người bần cùng, khổ cực, nhưng tin⁴ Phật, Pháp và Tăng, giữ gìn cấm giới, học rộng nghe nhiều, ra sức bố thí, thành tựu chánh kiến. Người này sau khi mạng chung được sanh lên trời. Sau khi sanh về cõi trời Tam thập tam, có ba điểm thù thắng hơn những vị trời Tam thập tam khác. Những gì là ba? Đó là được tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời. Các trời Tam thập tam thấy Thiên tử này có ba đặc biệt hơn về tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời; họ thấy rồi, bèn đến chỗ Thiên đế Thích, nói như vầy:

“Kiều-thi-ca nêu biết, có một Thiên tử vừa sanh cõi trời này; đối với những vị Thiên tử cũ, có ba đặc thù hơn là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời.”

Khi ấy Thiên đế Thích nói với Thiên tử này rằng:

“Chư Nhân giả, tôi biết người này trước đây là một người bần cùng nghèo khổ ở thành Vương xá, nhưng đối với pháp luật của Như Lai, rất có lòng tin,... cho đến thành tựu chánh kiến. Cho nên, khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời này và có điểm thù thắng hơn những vị trời Tam thập tam khác, là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời.”

Rồi Thiên đế Thích liền nói kệ:

³. Pāli, S. 11. 14. Daśiddha. Biệt dịch, №100(51).

⁴. Bản Cao-ly: � 於 ; bản Tống-Nguyên-Minh: trù 住 . Pāli: tathāgatappaveditadhammavinaye saddham samādiyi, duy trì tín tâm nơi pháp luật được Như Lai tuyên thuyết.

*Chánh tín đối Như Lai,
 Nhất định không dao động;
 Thọ trì giới chân thật,
 Không nhảm chán Thánh giới.
 Đối Phật tâm thanh tịnh,
 Đối chánh kiến thành tựu;
 Nên biết không nghèo khổ,
 Tự sống không vô ích.
 Nên đối Phật, Pháp, Tăng,
 Khởi lòng tin thanh tịnh;
 Trí tuệ càng sáng hơn,
 Nhớ nghĩ lời Phật dạy.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
 *

KINH 1224. ĐẠI TẾ TỰ (1)⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, dân chúng thành Vương xá mở đại hội rộng rãi, mời hết các đạo khác nhau.

Có một người ngoại đạo Giá-la-ca⁶ tự nghĩ: 'Nay ta thỉnh vị Trời ngoại đạo là Giá-la-ca⁷ làm phước điền trước.' Hoặc những người theo ngoại đạo xuất gia; hoặc người theo đạo Ni-kiền Tử; hoặc người theo đạo Lão đệ tử; hoặc theo đệ tử đạo thờ lửa. Trong đó có những người theo Tăng đệ tử Phật, tự nghĩ: 'Nay hãy trước hãy thỉnh Tăng mà đứng đầu là Phật⁸ để làm ruộng phước.'

Bấy giờ, Thiên đế Thích tự nghĩ: 'Chớ để cho dân chúng thành

⁵. Pāli, S. 11.16. Yajamānam. Biệt dịch, №100(52).

⁶. Giá-la-ca 遮羅迦 (Pāli: caraka), tu sĩ lang thang, thuộc nhóm hành trì theo Yajur-veda (Tế tự Vệ-dà). Pāli, S.ibid. không có chi tiết này.

⁷. Giá-la-ca 遮羅迦 (Pāli: Caraka), tên một ẩn sĩ cũng là y sĩ, truyền thường đi lang thang khắp nơi để trị bệnh cho người đời.

⁸. Cf. Sn.111, Jā iii.51: buddha-pamukham bhikkhusaṅgham nimantetvā.

Vương xá bỏ Tăng đứng đầu là Phật mà đi thờ những đạo khác để cầu phước điền. Ta nên nhanh chóng vì người thành Vương xá mà kiến lập phước điền.' Liên hóa ra một Đại Bà-la-môn, tướng mạo nghiêm chỉnh, đi xe ngựa trắng, có các thiếu niên Bà-la-môn hộ tống trước sau, cầm dù lọng cάn vàng đến thành Vương xá, đi khắp mọi nơi trong hội chúng. Bấy giờ, tất cả nam nữ thành Vương xá đều tự nghĩ: 'Phải nhìn xem nơi phụng sự của vị Bà-la-môn này, rồi ta sẽ theo họ để cúng dường cầu ruộng phước tốt trước nhất.'

Lúc này Thiên đế Thích biết rõ tất cả ý nghĩ của nam nữ thành Vương xá, bèn đánh xe dẫn đầu, theo đường hẹp đến núi Kỳ-xà-quật, đến ngoài cửa, bỏ hết năm thứ trang sức, đến chỗ Phật, cúi đầu lē dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Khéo phân biệt hiển bày,
Hết thảy pháp bờ kia;
Qua khỏi mọi sợ hãi,
Nên kính lē Cù-dàm.
Mọi người mở hội khắp,
Muốn cầu công đức lớn;
Người người mở đại thí,
Thường cầu quả hữu dư.
Xin Ngài nói ruộng phước,
Khiến người thí được quả.
Ở núi Kỳ-xà-quật,
Đức Đại Sư trả lời,
Điều hỏi của vua trời,
Đế Thích đại tự tại.
Mọi người mở hội khắp,
Muốn cầu công đức lớn;
Người người mở đại thí,
Thường cầu quả hữu dư.
Nay nói về ruộng phước,
Bố thí được quả lớn.
Chánh hướng gồm có bốn⁹,*

⁹ Chỉ Dụ lưu hướng cho đến A-la-hán hướng. Pāli: cattāro ca paṭipannā.

Trụ Thánh quả cúng bốn¹⁰.
 Gọi là Tăng ruộng phước.
 Minh hạnh, định đầy đủ;
 Ruộng phước Tăng thêm rộng,
 Vô lượng vượt biển cả.
 Đệ tử Điều Ngự Sư,
 Sáng soi bày chánh pháp;
 Khéo cúng đường nơi này,
 Cúng Tăng, phước diền tốt.
 Tăng là ruộng phước tốt,
 Phật nói được quả lớn.
 Vì Tăng lìa năm cái,
 Thanh tịnh, đáng tán thán.
 Cúng Tăng, ruộng tối thượng,
 Cúng ít, thâu lợi nhiều.
 Vậy hết thảy mọi người,
 Nên cúng ruộng phước Tăng.
 Pháp thắng diệu càng được,
 Minh hạnh, định tương ứng.
 Cúng Tăng trân bảo này,
 Tâm thí chủ hoan hỷ.
 Phát sanh ba thứ tâm,
 Thí y phục, ẩm thực.
 Lìa kiếm nhọn trần cầu,
 Vượt qua các đường ác;
 Tự thân đi mời thỉnh,
 Tự tay cúng bình đẳng.
 Tự lợi cũng lợi người,
 Thí này được lợi lớn.
 Người trí thí như vậy,
 Tịnh tín tâm giải thoát.
 Thí an lạc không tội,
 Nương trí vãng sanh kia.

^{10.} Bốn Thánh quả, từ Dự lưu, cho đến A-la-hán. Pāli: cattāro ca phale ṭhitā.

Sau khi Đế Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

Bấy giờ, dân chúng thành Vương xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, lỗ Phật, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn và đại chúng nhận sự cúng dường của chúng con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời.

Dân chúng thành Vương xá biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời của họ rồi, làm lễ ra về. Họ về nơi đại hội, chuẩn bị thức ăn và sắp xếp bàn ghế. Sáng sớm, sai người đến bạch Phật: ‘Đã đến thời! Xin Ngài biết cho.’

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng đắp y, ôm bát, đến chỗ đại hội, trải tòa ngồi trước đại chúng. Nhân dân thành Vương xá biết Phật đã ngồi yên, tự làm đồ ăn thức uống tươi tốt. Thọ trai rồi, rửa bát, xỉa răng xong, họ trở về chỗ cũ nghe Phật nói pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì dân chúng thành Vương xá thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1225. ĐẠI TẾ TỰ (2)¹¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá.
Nói đầy đủ như kinh trên, chỉ có một vài sai biệt là:

Lúc ấy, Thiên đế Thích nói bài kệ khác hỏi Phật:

*Nay xin hỏi Cù-dàm,
Tuệ vi diệu sâu kín;
Thế Tôn đã thể nhập,
Thấy biết không chướng ngại.*

Dân chúng thiết lập đại hội khắp, *nói đầy đủ như trên... cho đến* vì dân chúng thành Vương xá mà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

¹¹. Tham chiếu kinh 1224.

KINH 1226. TAM-BỒ-ĐỀ¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-dà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Thế Tôn ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-dà, nước Xá-vệ; nghe rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con nghe Thế Tôn tự ký thuyết đã chứng Vô thượng Bồ-đề¹³ mà mọi người đã loan truyền, là không phải hüz vọng và nói quá chăng? Là đã nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp chăng? Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp chăng? Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém chăng¹⁴? ”

Phật bảo Đại vương:

“Những điều họ nói như vậy là lời nói chân thật, chẳng phải là hüz vọng, nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp. Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp. Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém. Vì sao? Này Đại vương, hiện tại thực sự Ta đã đắc Vô thượng Bồ-đề.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Tuy Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng con vẫn còn chưa tin. Vì sao? Vì trong đây còn có nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn tôn túc, trọng vọng, như Phú-lan-na Ca-diếp, Mặc-già-lợi Cù-xá-lê Tử, San-xà-da

^{12.} Quốc Dịch, tụng vii, “4. Tương ưng Câu-tát-la”, hai phẩm. – Án Thuận, tụng viii, “20. Tương ưng Sát-lợi”, hai mươi mốt kinh, 1229-1249 (Đại Chánh, 1226-1240, 1145-1150/quyển 42). Tương đương Pāli, phần lớn, S. 3. Kasalā-saṃyutta. Đại Chánh, kinh 1226; Pāli, S. 3.1. Daharo. Biệt dịch, №100(53).

^{13.} Nguyên Hán: a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề 阿耨多羅三藐三菩提. Pāli: anuttaraṃ sammāsaṃbodhiṃ.

^{14.} Nguyên Hán: 得非虛妄過長說耶爲如說說如法說隨順法說耶非是他人損同法者於其問答生厭薄處耶. So sánh câu văn có nội dung tương tự, kinh 113 trên 得無過耶將不毀謗世尊耶毀謗世尊耶說說耶如法說將不爲他難問詰責墮負處耶. Không có sai lầm chăng? Không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như thuyết chăng? Nói như pháp chăng? Không bị người khác chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng?

Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử. Những vị đó không tự nói được Vô thượng Bồ-đề. Sao Thế Tôn còn trẻ, tuổi còn nhỏ, xuất gia chưa bao lâu, mà lại tự nói chứng Vô thượng Bồ-đề?"

Phật bảo Đại vương:

"Có bốn thứ tuy trẻ, nhưng không thể xem thường. Những gì là bốn? Vương tử Sát-lợi, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Rồng con¹⁵, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Đóm lửa tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường. Tỳ-kheo tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đủ hình tướng Sát-lợi,
Danh tiếng, dòng quý tộc;
Tuy tuổi còn trẻ nhỏ,
Người trí không thể khinh.
Tất sẽ ở ngôi vua,
Nhớ lại, sanh oán hại.
Cho nên khó thể khinh;
Phải sanh lòng đại kính.
Người khéo biết tự hộ,
Hãy giữ kỹ mạng mình;
Bình đẳng mà tự hộ,
Tránh xa để hộ mạng¹⁶.
Nơi làng xóm, chớ vắng,
Nếu gặp rồng con kia;
Chớ cho là rắn nhỏ,
Mà sanh lòng coi thường.
Mình rồng nhỏ nhiều màu,
Cũng nên để yên ổn;
Nam hay nữ khinh rắn,*

^{15.} Hán: long tử 龍子, rồng con. Đoạn sau, cũng nói là tiểu xà 小蛇. Pāli: urago, con rắn.

^{16.} Pāli: tasmā tam parivajjeyya, rakkham jīvitam attano, Vì vậy, hãy tránh xa nó, để giữ mạng sống của mình.

Đều bị độc làm hại.
 Cho nên, để tự hộ,
 Hãy giữ kỵ mạng mình;
 Vì khéo tự hộ này,
 Tránh xa để hộ mạng.
 Manh hỏa khi xâm thực,
 Dù ít nhưng không hạn;
 Được nhỏ có thể thiêu
 Khắp nơi, nếu củi đủ.
 Thiêu từ nhỏ dần lên,
 Tận xóm làng thành ấp;
 Cho nên, để tự hộ,
 Nên như hộ mạng mình.
 Vì khéo tự hộ này,
 Tránh xa để tự hộ.
 Bị lửa dữ thiêu đốt,
 Trăm thứ cỏ cháy rụi.
 Tắt rồi, không co rút;
 Lửa tắt cỏ lại sanh.
 Nếu khinh hủy Tỳ-kheo,
 Người giữ lửa tịnh giới.
 Thì đốt mình, con cháu,
 Tai nạn lưu trãm đời.
 Như đốt cây đa-la,
 Không bao giờ sanh lại.
 Cho nên phải tự hộ,
 Như tự hộ mạng mình;
 Vì khéo tự hộ này,
 Tránh xa để hộ mạng.
 Đủ hình tướng Sát-lợi,
 Rắn con và đóm lửa;
 Đủ tịnh giới, Tỳ-kheo,
 Không nên sanh coi thường.
 Cho nên phải tự hộ,
 Như tự hộ mạng mình;

*Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc kia, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1227. MẸ¹⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc có bà nội, người mà vua rất kính trọng, bỗng nhiên mang chung¹⁸. Vua đưa ra ngoài thành hỏa táng, cúng dường xá-lợi xong, mặc áo tang, tóc bù xù, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Thế Tôn hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương từ đâu lại, mặc đồ tang, tóc bù xù vậy?”

Vua Ba-tư-nặc thưa:

“Bạch Thế Tôn, con đã mất bà nội mà con rất kính trọng. Bà đã bỏ con ra đi. Con đã đưa ra ngoài thành để hỏa táng, cúng dường xong, rồi đến Thế Tôn.”

Phật bảo:

“Đại vương thương kính bà nội lắm phải không?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, rất kính trọng thương mến. Bạch Thế Tôn, nếu đem những gì có được ở trong nước như voi, ngựa, bầy báu, cho đến ngai vàng đem bố thí hết cho người mà có thể cứu sống bà nội thì con sẽ bố thí hết. Nhưng vĩnh viễn đã không thể cứu được; kẻ sống người chết mãi mãi xa lìa; nhớ thương, buồn khổ, không tự mình vượt nổi. Con đã từng nghe Thế Tôn nói: ‘Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết.’ Hôm nay con mới nhận thấy lời Thế Tôn nói đúng.”

Phật bảo Đại vương:

¹⁷. Pāli, S. 3.22. Ayyakā. Biệt dịch, №100 (54), №125 (26.7).

¹⁸. Bản Pāli, bà sống một trăm hai mươi tuổi.

“Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết.”

Phật bảo Đại vương tiếp:

“Cho dù dòng họ Bà-la-môn, Sát-dế-lợi, hay gia chủ, nếu có sanh đều phải chết, không ai không chết. Cho dù là Đại vương Sát-dế-lợi, ở ngôi quán đảnh, làm vua bốn thiên hạ, được sức tự tại; đối với các địch quốc đều hàng phục, cuối cùng không ai là không chết. Lại nữa, Đại vương, dù sanh trời Trường thọ, làm vua Thiên cung, tự tại khoái lạc, cuối cùng cũng phải chấm dứt. Lại nữa, Đại vương, Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã hết, đã lìa các gánh nặng, việc cần làm đã làm xong, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát, vì ấy cũng phải chấm dứt, xả thân vào Niết-bàn. Lại nữa, hàng Duyên giác, khéo điều phục, khéo tịch tĩnh, khi hết thân mạng này, cuối cùng cũng vào Niết-bàn. Chư Phật Thế Tôn đầy đủ mươi lực, bốn vô sở úy, hơn tiếng rống sư tử, cuối cùng cũng xả thân vào Bát-niết-bàn. Vì vậy, Đại vương nên biết, tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Tất cả loài chúng sanh,
Có mạng đều phải chết;
Chúng đi theo nghiệp mình,
Tự nhận quả thiện ác.
Nghiệp ác vào địa ngục,
Làm lành lên trên trời;
Tu tập đạo thắng diệu,
Lại hết, Bát-niết-bàn.
Như Lai và Duyên giác,
Thanh văn đệ tử Phật;
Đều phải bỏ thân mạng,
Huống là người phàm phu.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1228. THÂN YÊU¹⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh thiền tú tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự thương yêu mình, thế nào là không tự thương yêu mình?’ Lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu mình. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình.’ Sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự thương yêu, thế nào là không tự thương yêu mình?’ Rồi lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu mình. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình’.”

Phật bảo Đại vương:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương, nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu. Dẫu cho họ tự nói, tự thương yêu, nhưng thật ra không phải tự thương yêu. Vì sao? Vì không có điều xấu ác nào mà người bạn xấu ác làm cho không phải là điều không là thân thương đối với người mà nó không thân thương, không phải là điều được yêu mến đối với người mà nó không yêu mến²⁰. Cho nên

^{19.} Pāli, S. 3. 4. Piya.

^{20.} ...tự niệm,...bất tự niệm 云何爲自念。云何爲不自念。Pāli: kesam nu kho piyo attā, kesam appiyo attā ti, “đối với ai ta (tự ngã) là thân yêu? Đối với ai, ta (tự ngã) không là thân yêu?”

^{21.} Dịch sát văn Hán nên hơi tối nghĩa. So sánh Pāli: yañhi appiyo appiyassa kareyya, tam te attanāva attano karonti; tasmā tesam appiyo attā, “Điều gì mà người không thân thương (= kẻ thù) có thể làm cho người không thân thương (= kẻ thù), điều đó ta (tự ngã) làm cho ta (tự ngã) cũng vậy; vì vậy, đối với chúng, tự ngã không phải là thân thương (= kẻ thù).”

những người này là không phải tự yêu thương mình. Lại nữa, Đại vương, người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình. Dẫu cho những người này tự nói không tự thương tiếc thân mình, nhưng thực ra những người này là tự thương yêu mình. Vì sao? Vì không có điều tốt nào mà người bạn tốt làm không phải là đáng thân đối với người mà nó thân, không phải là đáng yêu đối với người mà nó yêu. Cho nên những người này là người tự thương yêu mình."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Bảo rằng tự thương mình,
Không nên tạo ác hạnh.
Vì nhân không ác hạnh,
Nên đã được an lạc.*
*Bảo rằng tự thương mình,
Quyết không tạo ác hạnh.
Người tạo mọi nghiệp thiện,
Nên đã được an lạc.*
*Nếu ai tự yêu mình,
Khéo hộ mà tự hộ;
Như vua khéo giữ nước,
Ngoài, canh phòng biên giới.*
*Nếu ai tự yêu mình,
Khéo tự giữ báu vật;
Như vua khéo giữ nước,
Trong, canh giữ thành quách.*
*Như tự giữ bảo vật,
Sát-na không gián đoạn;
Sát-na nếu thiếu lo,
Đường ác chịu khổ mãi.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**

KINH 1229. TỰ HỘ²²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự hộ, thế nào là không tự hộ?’ Lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự hộ.’ Sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự hộ, thế nào là không tự hộ?’ Rồi lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự hộ.’

Phật bảo Đại vương:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ, mà nói là hay tự phòng hộ. Tuy nói là tự phòng hộ bằng quân voi, ngựa, xe, bộ, dùng chúng để tự phòng hộ, nhưng thực ra không phải là tự phòng hộ. Vì sao? Vì tuy phòng hộ bên ngoài, nhưng không phòng hộ bên trong. Cho nên, Đại vương! Đó gọi là không tự phòng hộ.

“Đại vương, nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự phòng hộ. Tuy họ không dùng quân voi, ngựa, xe, bộ để tự phòng hộ, nhưng thực ra là tự phòng hộ. Vì sao? Vì phòng hộ bên trong. Đó gọi là khéo tự phòng hộ, chẳng cần phòng hộ bên ngoài.”

²². Pāli, S. 3.5. Attānurakkhita. Biệt dịch, №100(56).

²³. Pāli: kesam nu kho rakkhito attā, kesam arakkhito attā ti, “Đối với những ai tự ngã được thủ hộ? Đối với những ai tự ngã không được thủ hộ?” Xem cht.20 kinh 1228.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Khéo phòng hộ thân, khẩu,
Và tất cả ý nghiệp;
Tự hộ bằng tâm quý,
Đó là khéo phòng hộ.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1230. TÀI LỢI²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế gian ít có người được tài lợi thăng diệu mà không phóng dật, không tham đắm, không tạo những ác hạnh đối với chúng sanh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thăng diệu là hay sanh ra phóng dật, tăng trưởng tham đắm chúng, khởi lên các tà hạnh.’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế gian ít có người được tài lợi thăng diệu và đối với tài lợi đó không sanh ra phóng dật, không sanh ra tham đắm, không tạo ra tà hạnh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thăng diệu là hay sanh ra phóng dật, sanh ra tham đắm, khởi lên các tà hạnh.’

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Thế gian ít có người được tài lợi thăng diệu mà không tham đắm, không sanh ra phóng dật, không khởi lên những tà hạnh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thăng diệu và đối với tài lợi phóng dật, mà khởi lên tham đắm, khởi lên các tà hạnh.’ Đại vương nên biết, những người thế gian kia được tài lợi thăng diệu, đối với tài lợi mà phóng dật, mà khởi tham đắm, làm các tà hạnh, đó là những người ngu si, sẽ chịu khổ lâu

^{24.} S. 3.6. Appakā. Biệt dịch, №100(58).

dài, không lợi ích. Đại vương, giống như người thợ săn, học trò thợ săn, giăng lưới bắt giết nhiều thú vật, trong rừng hoang vắng; hại chúng sanh khốn khổ, nghiệp ác tăng trưởng. Cũng vậy, người thế gian được tài lợi thắng diệu, đổi tài lợi sanh phóng dật, khởi lên tham đắm, tạo các tà hạnh; người ngu si này sẽ chịu khổ não lâu dài, không được lợi ích.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Đổi tài vật tham dục,
Bị tham làm mê say,
Cuồng loạn không tự biết;
Giống như người thợ săn.
Vì sự phóng dật này,
Nên chịu báo khổ lớn.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1231. THAM LỢI²⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đang ngự trên chánh điện²⁶, tự mình xem xét những việc của quốc vương, thấy giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay đổi trá, vọng ngữ, liền tự nghĩ: ‘Hãy ngưng việc xét đoán này, dừng việc xét đoán này. Ta không còn đích thân xét đoán việc nữa. Ta có người con hiền, sẽ bảo nó xét đoán. Làm sao ta có thể nhìn những dòng họ sang cả này, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay đổi trá, vọng ngữ?’ Khi vua Ba-tư-nặc nghĩ vậy xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đang ngự trên chánh điện, để tự xét đoán những việc của quốc vương, thấy các giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn,

²⁵. S. 3.7. Atthakarana. Biệt dịch, №100(57).

²⁶. Chánh điện 正殿. Pāli: atthakarana, công đường hay pháp đường.

Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Bạch Thế Tôn, con nhận thấy được điều này rồi, tự nghĩ: 'Từ nay ta hãy ngưng việc xét đoán này, dừng việc xét đoán này. Ta có người con hiền sẽ bảo nó xét đoán. Con không có thể chính mình nhìn những dòng họ sang cả này, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ.'"

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

"Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Các dòng họ sang cả kia, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ kia, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Họ là những người ngu si, sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích. Giống như người chài lưới và đệ tử của chài lưới thả câu, giăng lưới nơi sông, suối, khe, rạch giết hại chúng sanh tạo ra khổ lớn. Cũng vậy, Đại vương, các giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Họ sẽ chịu khổ mãi mãi, không được lợi ích lâu dài."

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Khởi tham muốn tài sản,
Tham dục làm say mê;
Cuồng loạn không tự giác,
Giống như người bắt cá.
Do vì nghiệp ác này,
Nên chịu báo khổ lớn.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1232. BỎN SỄN²⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

²⁷. S. 3.19. Aputtaka (1): không con. Biệt dịch, №100(59), №125(23.4).

“Bạch Thế Tôn, nước Xá-vệ này có gia chủ Ma-ha-nam²⁸, giàu có nhiều của cải, kho chứa vàng ròng có đến trăm nghìn ức, huống là những của khác. Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam giàu có như vậy, nhưng đồ ăn chỉ dùng những thứ như: Ăn gạo tấm thô sơ, canh đậu, gừng cũ nát; còn mặc thì áo vải thô, mang giày da đơn; đi thì xe cũ kỹ, đội nón lá cây. Chưa từng nghe ông ta cúng dường, bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, hay thấy ông cung cấp giúp đỡ cho những người nghèo khổ, những người lõi đường thiếu thốn, những người ăn xin. Khi ăn thì đóng cửa, không để cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào hay những người bần cùng, những người lõi đường, những người ăn xin, trông thấy.”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương, gia chủ này không phải là Chánh sĩ²⁹, được tài lợi thắng diệu mà không tự họ dụng, không biết phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, đoái nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ cho người quen biết, không biết tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, để gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hướng đến chỗ cao quý, hưởng thụ an lạc lâu dài, đời sau sanh về cõi trời. Được những tài vật thù thắng mà không biết cách dùng rộng rãi để thâu lợi lớn.

“Đại vương, thí như nước được tích chứa trong ao hồ ở giữa đồng hoang, mà không có người dùng đến để uống ăn, tắm rửa, nước trong đầm bị nung khô tiêu hết. Cũng vậy, kẻ sĩ bất thiện³⁰ được tài vật thắng diệu,... cho đến không chịu dùng rộng rãi để thâu lợi lớn, cũng giống như hồ nước kia vậy.

“Đại vương, có thiện nam tử³¹ được tài lợi thắng diệu, sung sướng mà họ dùng, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp vợ con bà con quyến thuộc, nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ người quen biết, thường xuyên cũng

²⁸. Ma-ha-nam 摩訶男 . S. ibid., Sāvatthiyam setthi gahapati kālañkato, một gia chủ giàu có ở Sāvatthi đã chết.

²⁹. Chánh sĩ 正士 . Pāli: asappuriso, con người không cao thượng, không phải chân nhân, không phải thương nhân.

³⁰. Bất thiện sĩ phu 不善士夫 . Đồng nhất với phi chánh sĩ trên. Pāli: asappuriso.

³¹. Thiện nam tử 善男子 . Trái với phi chánh sĩ hay bất thiện sĩ phu ở trên. Pāli: sappuriso.

cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hướng đến chỗ cao quý, đời sau sanh về cõi trời; được tiền của thù thắng, biết cách thọ dụng rộng rãi để thu lợi lớn gấp bội. Đại vương, giống như bên cạnh thành Ấp, làng xóm có ao nước trong sạch mát mẻ, cây cối che mát, khiến mọi người yêu thích, nhiều người chịu dùng, cho đến loài cầm thú. Cũng vậy, thiện nam tử kia được tài lợi thắng diệu, tự cúng dường tùy thích, phụng dưỡng cha mẹ,... cho đến gieo trồng ruộng phước thù thắng, thu lợi rộng lớn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Hồ nước nơi hoang mạc,
Dù trong mát sạch sẽ,
Mà không người thợ dụng,
Thì nơi đó khô hết.

Cũng vậy của thắng diệu,
Mà ở nơi người ác,
Không thể tự thợ dụng,
Cũng không thương giúp ai.

Luống tự gom góp khổ,
Chứa rồi tự tiêu tán.

Người trí được của nhiều,
Tự mình vui thợ dụng;
Thí khắp làm công đức,
Giúp đỡ cho thân thuộc;
Tùy chỗ cần cung cấp,
Như trâu chúa lãnh đần.

Bố thí cùng thợ dụng,
Không mất cơ hội cần.
Nương lý mà mạng chung³²,
Sanh Thiên hưởng phước lạc.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

³². Hán: thừa lý 乘理 . Pāli: anindito, không bị chê bai. Hán đọc là ānendito?

KINH 1233. MỆNH CHUNG³³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có gia chủ Ma-ha-nam mang chung³⁴, nhưng không có con cháu. Vua Ba-tư-nặc mới đem tài sản không có con, không có thân thuộc nhập hết về nhà vua. Vua Ba-tư-nặc hằng ngày phải đi xem xét tài sản, thân thể dính bụi bặm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương từ đâu đến, thân thể dính bụi bặm và có vẻ mệt nhọc?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam nước này mang chung, để lại tài sản, nhưng không con, nên tất cả phải nhập về nhà vua. Con phải trông coi, liệu lý, nên bụi bặm dính vào người, mệt nhọc. Từ nhà đó con đến đây.”

Phật hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Gia chủ Ma-ha-nam kia giàu có nhiêu của l้า sao?”

Vua đáp:

“Bạch Thế Tôn, rất giàu, tiền của rất nhiều, tiền vàng của báu có đến trăm nghìn ức, huống lại là những của khác. Bạch Thế Tôn, ông Ma-ha-nam kia lúc còn sống mặc thô sơ, ăn uống cực khổ. *Nói đầy đủ như trên.*”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Ông Ma-ha-nam kia vào thời quá khứ, gặp Bích-chi-phật Đa-ca-la-thi-khí³⁵ có cúng dường một bữa ăn, nhưng không có lòng tin thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường; sau khi cúng rồi lại hối tiếc nói rằng: ‘Cơm này ta có thể cho những tôi tớ của mình, không tội gì lại đem cho Sa-môn!’ Nhờ phước bố thí này, bảy lần

³³. S. 3. 2. 10. Aputtaka (2). Biệt dịch, №100(60).

³⁴. Xem ch.28 kinh 1232 trên.

³⁵. Đa-ca-la-thi-khí Bích-chi-phật 多迦羅尸棄辟支佛. Pāli: Tagarasikhīṃ pacceka-sambuddham. Cf. M.iii. 69.

được sanh lên trời Tam thập tam và bảy lần sanh vào nước Xá-vệ này thuộc dòng họ tối thắng, tiền của giàu có bậc nhất. Nhưng vì khi cúng dường vị Bích-chi-phật kia với lòng tin không thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường; sau khi cúng dường rồi lại hối tiếc, nên dù nơi khi sanh ra tuy được giàu có, nhưng phải thọ dụng quần áo thô sơ, ăn uống khổ cực, ngoại cụ, nhà cửa, xe cộ thô sơ cũ kỹ. Ngay từ đầu chưa ném qua được sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp để tự an thân.

“Lại nữa, Đại vương, trước kia gia chủ Ma-ha-nam đã giết người anh khác mẹ của mình để chiếm lấy tài sản. Vì tội này nên trải qua trăm nghìn năm phải đọa vào địa ngục, tội báo ấy còn sót nên sanh vào nước Xá-vệ, bảy lần thọ thân mà thường không có con; tài sản tịch thâu về nhà vua. Đại vương, gia chủ Ma-ha-nam nay mạng chung, phước báo bố thí quá khứ đã hết mà đời này ông lại keo kiệt, tham lam, buông lung đối với tài sản, nhân tạo tội ác, sau khi mạng chung ở đây sẽ đọa địa ngục, chịu nhiều khổ não.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam sau khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục chịu khổ đau phải không?”

Phật đáp:

“Đúng vậy, Đại vương! Đã đọa vào địa ngục.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghĩ đến ông mà rơi lệ, lấy áo lau nước mắt, nói kệ:

*Của cải, kim bảo thật,
Voi ngựa đồ dùng tốt;
Nô bộc, trẻ hầu hạ,
Cùng nhà cửa ruộng nương.
Tất cả đều bỏ lại,
Thần thức đi một mình.
Vận phước số đã hết,
Vĩnh viễn bỏ thân người.
Nay họ sở hữu gì?
Đem theo được những gì?
Với cái gì không bỏ,
Như bóng đi theo hình?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chỉ có nghiệp tội, phước,
Người nào đã tạo ra;
Thì đó là sở hữu,
Họ sẽ thường mang theo.
Sống chết chưa từng lìa,
Giống bóng đi theo hình.
Như người ít tu lương,
Đi xa gặp nạn khổ.
Người không tu công đức,
Phải qua khổ đường ác.
Như người nhiều tu lương,
Đi xa được an lạc.
Người tu đức thuần hậu,
Luôn hưởng vui cõi lành.
Như người đi chơi xa,
Lâu năm về an ổn.
Người thân và bằng hữu,
Tụ tập đón mừng vui;
Người khéo tu công đức,
Chết đây sanh nơi khác.
Những thân quyến của họ,
Gặp nhau tâm hoan hỷ.
Cho nên phải tu phước,
Tích tụ thành vĩnh cửu.
Phước đức hay vì người,
Kiến lập vui đời khác;
Phước đức được trời khen,
Cùng hạnh tu chánh khác.
Hiện tại người không chê,
Chết sanh lên cõi trời.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

KINH 1234. TẾ TỰ³⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tổ chức đại hội³⁷ rộng rãi. Vì đại hội nên đem cả nghìn con bò đực³⁸ cột vào trụ và những đồ vật cúng tế. Cho mời hết các ngoại đạo khác nhau, từ xa đến tụ tập đông đủ nơi đại hội của vua Ba-tư-nặc.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến* các ngoại đạo, tất cả đều đến tập hợp. Nghe rồi, sau khi khất thực xong, trở về tịnh xá cất y bát, rửa chân rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, các Tỳ-kheo chúng con đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. Nói đầy đủ như trên, ... cho đến các ngoại đạo khác đều tập hợp đến chỗ đại hội.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tháng tháng³⁹ mở đại hội,
Cho đến số trăm nghìn⁴⁰;
Không bằng chánh tín Phật,
Bằng một phần mười sáu.*

^{36.} S. 3. 9. Yañña. Biệt dịch, №100(61).

^{37.} Đại hội 大會. Pāli: mahāyañño paccupaṭṭhito, tổ chức đại tế đàn, lễ hiến tế sanh vật cho thần linh.

^{38.} Đặc ngưu 特牛. Pāli: pañca ca usabhasatāni, pañca ca vacchatarasatāni, pañca ca vacchatarisatāni, pañca ca ajasatāni, pañca ca urabhasatāni, năm trăm bò đực, năm trăm bê đực, năm trăm bê cái, năm trăm sơn dương, năm trăm con cừu.

^{39.} Các bản Tống-Nguyên-Minh: nhật nhật 日日: ngày ngày. Ấn Thuận, Phật Quang đọc là nguyệt nguyệt: 月月: tháng tháng.

^{40.} Bài kệ này không có trong S.ibid., nhưng, cf. Dh. 106: māse māse sahassena, yo yajetha sataṁ samaṁ, ekañca bhāvitattānam muhuttampi pūjaye, mỗi tháng với trăm nghìn, tế tự cho đến trăm năm, không bằng chỉ một lần cúng dường người tự mình tu tập.

*Cũng vậy, tín Pháp, Tăng,
Từ tâm với chúng sanh;
Phước của đại hội kia,
Không bằng phần mười sáu.
Nếu người ở thế gian,
Úc năm⁴¹ tạo nghiệp phước;
Không bằng một phần bốn.
Kính lễ vị trực tâm⁴².*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1235. HỆ PHƯỢC⁴³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nổi giận, bắt nhiều người trong nước bỏ tù, gồm các Sát-đế-lợi, nào Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, Chiên-đà-la, trì giới hay phạm giới, tại gia hay xuất gia đều bị trói, bị xiềng xích, bị cùm, hoặc bị cột dây. Bấy giờ, sáng sớm, có các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc bắt giữ nhiều người,... cho đến xiềng xích, cột trói. Sau khi khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về tịnh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành khất

⁴¹. Bản Cao-ly & Ấm Thuận đọc là *Úc niên* 億年 ; Phật Quang đọc là *cánh niên* 競年 , theo bản Thánh và dẫn Biệt dịch: *mān túc nhất niênn trung* 滿足一年中.

⁴². Trực tâm 直心 . Pāli: *ujupatipanna*, trực hành hay chất trực hành, chỉ Tăng, đệ tử Phật, thực hành Thánh đạo tám chi. Cf. Pháp uẩn 3, Đại 26, tr.463a. Cf. Dh. 108: *yam kiñci yittha va hutam va loke, samvaccharam yajetha puññapekkho; sabbampi tam na catubhāgameti abhivādanā ujjagatesu seyyo*, trong đời này, vì mong cầu phước đức mà tế tự hay hiến tế cả trăm năm, tất cả không bằng một phần tư của sự kính lể đối với vị Chất trực hành bậc nhất.

⁴³. S. 3.10. Bandhana. Biệt dịch N°100(62).

thực, nghe vua Ba-tư-nặc bắt giữ nhiều người,... cho đến xiềng xích, cột trói."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng phải dây, cùm, xích,
Là trói buộc kiên cố.
Tâm ô nhiễm, luyến tiếc
Của báu, tiền, vợ con:
Dây trói bền lâu nhất;
Tuy lồng nhưng khó thoát.
Người trí không luyến tiếc
Lạc thú ngũ dục dời.
Đó là dứt được trói,
An ổn siêu xuất thế⁴⁴.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1236. CHIẾN ĐẤU (I)⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế con bà Vi-dê-hy nước Ma-kiệt-đà chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đà A-xà-thế khởi bốn thứ quân voi, ngựa, xe, bộ kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc nghe bốn thứ quân của vua A-xà-thế con bà Vi-dê-hy kéo đến, cũng tập hợp bốn thứ quân voi, ngựa, xe, bộ ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua A-xà-thế đắc thắng, bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn thoái lui, một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ.

Bấy giờ sáng sớm, có các Tỳ-kheo, đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ma-kiệt-đà A-xà-thế con bà Vi-dê-hy đem bốn thứ quân đến nước Câu-tát-la; vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân ra

^{44.} Cf. Dh. 345-346.

^{45.} Quốc Địch, phẩm 2. S. 3.14. Saṅgāma. Biệt dịch, №100(63).

nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn rút lui, vua Ba-tư-nặc khốn đốn sợ hãi, một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ. Nghe rồi, khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về tịnh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành Xá-vệ khất thực, nghe vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy khởi bốn binh. *Nói đây đủ như trên, ... cho đến* một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chiến thắng thêm oán thù,
Bại khổ nằm không yên.
Thắng bại, bỏ cả hai,
Nằm yên vui tịch tĩnh.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1237. CHIẾN ĐẤU (2)⁴⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hy chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hy khởi bốn thứ quân kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân gấp đôi ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc đắc thắng, bốn thứ quân của vua A-xà-thế thua, khiếp phục tán loạn. Vua Ba-tư-nặc bắt sống vua A-xà-thế và thu được tiền tài, bảo vật xe cộ ngựa voi. Bắt sống vua A-xà-thế, chở cùng xe đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đây là vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, mà con

⁴⁶. S. 3.15. Saṅgāma (2). Biệt dịch, №100(64).

không bao giờ oán hận. Nhưng người lại gây oán kết; đối với người tốt mà tạo điều không tốt. Song người này là con của bạn con. Con sẽ thả ra cho trở về nước.”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Lành thay, Đại vương, thả cho người đi, bệ hạ sẽ được an ổn, lợi ích lâu dài.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Cho dù sức tự tại,
Thường hay xâm lược người;
Sức tăng thì càng oán,
Bội thu lợi mình người⁴⁷.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế, con bà Vi-dê-hy, nghe những gì Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**

KINH 1238. KHÔNG BUÔNG LUNG (I)⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này⁴⁹, là thiện tri thức, thiện

⁴⁷. Cf., Pāli, S.ibid., vilumpateva puriso, yāvassa upakappati; yadā caññe vilumpanti, so vilutto viluppati, con người vì lợi mình mà cướp đoạt người khác; khi cướp đoạt người khác, thì người cướp đoạt cũng bị cướp đoạt.

⁴⁸. S. 3.18. Appamāda. Biệt dịch, №100(65).

⁴⁹. Các phẩm tính của Pháp, văn chuẩn Pāli, cf. Saṅgīti, D.iii. 227: svākkhāto bhagavatā dhammo sanditthiko akāliko ehipassiko opanayiko paccattam veditabbo viññūhi ti. Tham chiếu, Tập dí môn 7 (Đại 26, tr. 393b): Phật chánh pháp thiện thuyết, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng, “Pháp của Phật được tuyên thuyết một cách hoàn hảo, (là Pháp) dập tắt sự thiêu đốt, thích hợp cho mọi thời, hướng dẫn (đến Niết-bàn), được quán sát trực tiếp, được chứng nội tâm bởi bậc trí.”

bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng⁵⁰.' Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh, tự nghĩ: ‘Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này, là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng.’”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này, là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng.’ Vì sao? Ta là thiện tri thức, đối với chúng sanh có pháp sanh được giải thoát khỏi sanh; chúng sanh có pháp già, bệnh, chết, ưu, bi, nã, khổ, đều giải thoát khỏi tất cả.

“Đại vương, có một thời Ta ở tại tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá⁵¹. Khi ấy Tỳ-kheo A-nan-đà một mình ở nơi yên tĩnh, tư duy tự nghĩ: ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng⁵².’ Nghĩ như vậy rồi, đến chỗ Ta, cúi đầu lỗ dưới chân Ta, ngồi lui qua một bên, bạch Ta rằng:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi chỗ yên tĩnh, tư duy, tự nghĩ: ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng’”

⁵⁰ Cf. Pāli, S. ibid., svākkhato bhagavatā dhammo, so ca kho kālyāṇamitassa kālyāṇa-sahāyassa kālyāṇasampavaṇkassa, no pāpamitassa no pāpasahāyassa no pāpasampa-vāṇkassa, “Chánh pháp được Thế Tôn tuyên thuyết một cách hoàn hảo, pháp ấy là cho người bạn tốt, cho người đồng hành tốt, cho người thân cận tốt, chứ không phải cho người bạn ác, người đồng hành ác, người thân cận ác”.

⁵¹. Sơn cốc tinh xá 山谷精舍. Bản Pāli, sakkesu... nagarakam nāma sakyānam nigamo, giữa những người họ Thích, một thị trấn của người Thích-ca, gọi là Nagaraka.

⁵². Pāli: upaḍḍham idam bhante brahmačāriyassa yadidam kalyāṇamittatā kalyāṇa-sahāyatā kalyāṇasampavaṇkatā, “một nửa phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện đồng hành, thiện giao hảo”.

“Lúc ấy Ta bảo rằng:

“A-nan, đừng nói những lời như vậy: ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng.’ Vì sao? Phạm hạnh thanh bạch, thuần nhất, mẫn tịnh này, chính là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng. Vì sao? Ta thường vì các chúng sanh làm thiện tri thức. Vì những chúng sanh này có sanh, nên biết, chánh pháp của Thế Tôn ngay trong đời này khiến thoát khỏi sự sanh; đối chúng sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, nǎo, khổ, lìa các nhiệt nǎo, khiến cho thoát khổ nǎo, không đợi thời tiết, hiện tại, thông suốt dẫn đến, bằng tự giác mà chứng biết; thì đó gọi là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Khen ngợi không buông lung,
Đó là chánh giáo Phật;
Tu thiện không buông lung,
Mau đạt được lậu tận.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1239. KHÔNG BUÔNG LUNG (2)⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Có hay không một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ?’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, một mình con ở chỗ yên tĩnh, tự nghĩ: ‘Có hay không một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở

⁵³. S.3.17. Appamāda. Biệt dịch, №100(66), №26(141).

nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ?”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Có một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ. Đó là pháp lành không buông lung. Pháp lành không buông lung mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ.

“Đại vương, thí như những công nghiệp đồ sộ được tạo ra ở thế gian, chúng đều nương vào đất mà được kiến lập. Pháp lành không buông lung cũng lại như vậy, được tu tập, tu tập nhiều thì trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ.

“Như lực, cũng vậy, hạt giống, rễ, lõi, loài đi trên bộ, đi dưới nước, sư tử, nhà cửa⁵⁴, cũng nói như vậy.

“Cho nên, Đại vương nên trụ vào không buông lung; nên nương vào không buông lung. Sau khi trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung thì phu nhân sẽ nghĩ: ‘Đại vương đã trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, nay ta cũng nên như vậy, trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung.’ Phu nhân đã như vậy, đại thần, thái tử, mãnh tướng cũng như vậy. Cũng vậy, nhân dân trong nước cũng sẽ nghĩ: ‘Đại vương đã trụ vào không buông lung, phu nhân, đại thần, thái tử, mãnh tướng đã trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, chúng ta cũng như vậy, nên trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung.’ Đại vương, nếu người nào trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, thì có thể tự hộ. Phu nhân, thể nữ cũng có thể tự bảo vệ và kho tàng của báu sẽ tăng lên thật nhiều.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

⁵⁴. Bản Pāli, chỉ nêu một thí dụ: cũng như dấu chân của tất cả mọi loài thú bộ hành đều lọt vào trong dấu chân voi. Vì chân voi lớn nhất. Cũng vậy... không buông lung...

*Xưng tán không buông lung,
 Chê bai sự buông lung.
 Đế Thích không buông lung,
 Làm chúa trời Dao-lợi.
 Xưng tán không buông lung,
 Chê bai sự buông lung.
 Có đủ không buông lung,
 Thâu giữ gồm hai nghĩa.
 Một hiện tại được lợi,
 Hai đời sau cũng vậy.
 Đó gọi là hiện quán,
 Của người trí sâu xa⁵⁵.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1240. BA PHÁP⁵⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Có ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Như vậy là ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Nếu không có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến này, thì chư Phật Thế Tôn cũng không xuất hiện ở đời và thế gian cũng không biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi. Vì có ba pháp này mà tất cả thế gian không yêu, không mến này là già, bệnh, chết nên chư Phật Như Lai mới xuất hiện ở đời và thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi.’ Vua Ba-tư-nặc nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu

^{55.} Pāli: atthābhisaṁaya dhiro paññitoti pavuccati, do chiêm nghiệm ý nghĩa này, người khôn ngoan được gọi là bậc Hiền trí.

^{56.} S. 3. 1. 3. Rājā. Biệt dịch, №100(67), №125(26.6).

đánh lẽ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những điều suy nghĩ kia bạch Thế Tôn.

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Đây có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến là già, bệnh, chết,... cho đến thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Xe báu của vua đi,
Cuối cùng cũng hư hoại.
Thân này cũng như vậy,
Biến chuyển sẽ về già.
Chỉ chánh pháp Như Lai,
Không có tướng suy, già.
Người nhận chánh pháp này,
Luôn đến chỗ an ổn.
Phàm phu luôn suy yếu,
Hình tướng tệ, xấu xí;
Suy già đến tàn lụn,
Người ngu tâm mê muội.
Nếu người sống trăm tuổi,
Thường lo chết theo đến;
Già bệnh đuổi theo nhau,
Dò xét liền gia hoại.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.⁵⁷

□

^{57.} Đại Chánh hết quyển 41.

TẠP A-HÀM QUYỂN 47

KINH 1241. GIA NHÂN¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu ai ở nhà con đều có lòng tin thanh tịnh. Khi những người ở nhà con mạng chung, có được sanh lên trời không?”

Phật dạy:

“Lành thay! Lành thay, gia chủ! Đây là câu hỏi thâm diệu về việc thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: ‘Mọi người ở nhà con đều có lòng tin thanh tịnh. Khi mạng chung họ có được sanh lên trời?’ Vậy đã có Tỳ-kheo đại đức thần lực nào đã vì ông nói: ‘Bất cứ người nào ở trong nhà ông, mà mạng chung, thấy đều sanh lên cõi trời chẳng?’”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Lại hỏi:

“Hay có Tỳ-kheo-ni nào, chư Thiên nào đã nói; hay ông đã nghe trực tiếp từ Ta?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Thế nào gia chủ, hay ông dựa vào tri kiến của mình, mà biết những người nhà ông sau khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo gia chủ:

“Ông đã không nghe từ vị Tỳ-kheo đại đức thần lực, không phải

¹. Đại Chánh, quyển 47. Án Thuận Hội Biên, tụng 7 Như Lai sở thuyết; 48. Tương ưng Tạp (Đại Chánh, quyển 35, phần sau, kinh 980-992; quyển 47, phần đầu, kinh 1241-1245). - Đại Chánh kinh 1241.

từ Tỳ-kheo-ni, không phải từ chư Thiên, lại không phải đã có mặt trước chỗ Ta nghe nói, lại cũng không phải dựa vào tri kiến của mình để biết: ‘Ở nhà con nếu mọi người mạng chung, đều được sanh lên trời.’ Vậy do đâu, hôm nay ông nói lên những lời thâm diệu như vậy về việc thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: ‘Bất cứ người nào ở trong nhà con, khi mạng chung đều được sanh lên trời?’”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không có Tỳ-kheo đại đức thần lực nào đến nói với con. *Nói đây đủ như trên*, ... cho đến tất cả đều sanh lên trời. Bạch Thế Tôn, nhưng khi con thấy những người mang thai, con liền chỉ bày họ nên vì con mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Sau khi đứa bé ra đời, con dạy nó về tam quy; đến khi hiểu biết, lại dạy nó trì giới. Giả sử tôi tớ hạ tiện, người ngoài nào có mang và sanh con, con cũng chỉ bày như vậy. Nếu có người bán nô tỳ, con liền đến nói với họ rằng: ‘Hiền giả, tôi muốn mua người, nhưng anh nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, thọ trì cấm giới. Theo lời tôi dạy, mau thọ trì năm giới. Sau đó tùy giá mà mua, nếu không theo lời chỉ dạy của tôi thì không chịu mua.’ Hoặc có khách trọ hay người làm thuê, trước tiên con cũng yêu cầu thọ tam quy, ngũ giới, rồi sau đó con mới nhận họ. Hoặc lại có người đến xin làm học trò, hay đến xin vay lấp lấp, con cũng đều yêu cầu thọ tam quy, ngũ giới, sau đó mới chịu nhận. Lại nữa, khi nào nhà con cũng dưỡng Phật và Tỳ-kheo Tăng thì đọc tên cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc quen biết, quốc vương đại thần, chư thiên, long thần, hoặc kẻ còn người mất, Sa-môn hay Bà-la-môn, nội ngoại quyến thuộc, dưới cho đến nô bộc đều đọc tên họ, vì họ chú nguyện. Hơn nữa, con được nghe từ Thế Tôn dạy, nhờ duyên xưng tên chú nguyện nên đều được sanh lên trời. Hoặc nhân bố thí ruộng vườn, nhà cửa, giường nằm; hoặc nhân thường bố thí, hoặc bố thí cho người đi đường, nhỏ cho đến bố thí cho chúng sanh một nấm nhỏ, nhờ những nhân duyên này thảy được sanh lên trời.”

Phật bảo:

“Lành thay! Lành thay, gia chủ! Ông nhờ lòng tin nên nói ra được như vậy. Như Lai đối với điều đó có tri kiến vô thượng, nên biết rõ mọi người ở nhà ông mạng chung đều sanh lên trời.”

Sau khi gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lỗ Phật ra về.

**

KINH 1242. SỐNG CUNG KÍNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy sống cung kính. Hãy thường buộc tâm. Hãy thường cẩn thận sợ hãi. Hãy phục tùng các bậc tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa. Vì sao? Vì nếu có Tỳ-kheo sống không cung kính, không buộc tâm, không cẩn thận sợ hãi, không phục tùng các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác mà muốn được đầy đủ các oai nghi, thì không hề có trường hợp đó. Vì nếu không đầy đủ oai nghi mà muốn học pháp viên mãn, thì không hề có trường hợp đó. Nếu học pháp không viên mãn mà muốn có giới thân, định thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, thì cũng không hề có trường hợp đó. Nếu giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà muốn được Vô dư Niết-bàn, cũng không hề có trường hợp đó. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác thì oai nghi đầy đủ, điều này có thể xảy ra. Nếu oai nghi đã đầy đủ thì việc học pháp sẽ đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu học pháp đã đầy đủ rồi thì giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu giải thoát tri kiến thân đã đầy đủ rồi thì được vô dư Niết-bàn, việc này có thể xảy ra. Cho nên, Tỳ-kheo cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác thì oai nghi được đầy đủ,... cho đến được Vô dư Niết-bàn, cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1243. TÀM QUÝ²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp tịnh có thể hộ trì thế gian. Những gì là hai? Đó là tam và quý. Giả sử thế gian không có hai pháp tịnh này, thế gian cũng không biết có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân quyến, sư trưởng, tôn ty, trật tự; điên đảo hỗn loạn như hàng súc sanh. Nhờ có hai pháp tịnh tam và quý cho nên thế gian biết có cha mẹ, ... cho đến sư trưởng, tôn ty, trật tự; không hỗn loạn như hàng súc sanh.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu thế gian không có,
Hai pháp tam và quý;
Vuột trái đạo thanh tịnh,
Hương sanh, già, bệnh, chết.
Nếu thế gian thành tựu,
Hai pháp tam và quý;
Đạo thanh tịnh tăng trưởng,
Đóng kín cửa sanh tử.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1244. THIÊU ĐỐT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp đốt cháy và pháp không đốt cháy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thế nào là pháp đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào, hành pháp ác bất thiện, phạm giới;

². Pāli, A.2.9 Cariya; It. A2 Dhamma.

thân thành tựu ác hạnh; khẩu, ý thành tựu ác hạnh; người ấy về sau, khi khốn khổ bởi tật bệnh, nằm liệt trên giường, chịu nhiều đau đớn. Lúc bấy giờ, tất cả những việc làm ác trước kia người ấy đều nhớ lại hết. Cũng như bóng núi lớn che ánh mặt trời Tây; cũng vậy, chúng sanh trước kia đã tạo ra mọi điều ác, những pháp ác bất thiện do thân, khẩu, ý nghiệp, đến lúc lâm chung, tất cả đều hiện ra, tâm sanh hối hận: ‘Than ôi! Than ôi! Vì trước kia không tu thiện, chỉ làm ác, nên sẽ đọa vào đường dữ, chịu nhiều khổ đau.’ Sau khi nhớ lại rồi, tâm bị đốt cháy, tâm sanh hối hận. Khi sanh tâm hối hận nên không được chết với tâm thiện; đời sau tâm bất thiện cũng tiếp nối sanh. Đó gọi là pháp đốt cháy.

“Thế nào gọi là pháp không đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào thọ trì tịnh giới, tu pháp chân thật, thân thành tựu nghiệp thiện; khẩu, ý thành tựu nghiệp thiện; khi lâm chung tuy thân gặp phải khổ nạn, nằm liệt trên giường bệnh, thân thể chịu nhiều đau đớn, nhưng tâm người ấy nhớ lại pháp thiện trước kia đã tu; thân, khẩu và ý đã thành tựu thiện hạnh. Lúc bấy giờ, duyên vào những pháp thiện, người ấy nghĩ rằng: ‘Thân, khẩu, ý ta đã tạo ra thiện hạnh như vậy, không làm các điều ác, sẽ sanh về đường thiện, không đọa vào đường ác, tâm không có gì hối hận.’ Do tâm không biến hối, nên mạng chung với thiện tâm, qua đời sau thiện vẫn tiếp tục. Đó gọi là pháp không đốt cháy.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đã gieo nghiệp tiêu đốt,
 Sống nương theo phi pháp;
 Theo đó làm nghiệp ác,
 Ăt sanh vào địa ngục.
 Đẳng hoạt và Hắc thằng,
 Chúng hợp, hai Khiếu hô;
 Thiêu nhiên, Cực thiêu nhiên,
 Đại địa ngục Vô trạch.
 Tâm đại địa ngục ấy,
 Cực khổ khó vượt qua;
 Vì bao nhiêu ác nghiệp,
 Mười sáu nơi khác nhau.*

Mở bốn cửa bốn bên,
 Khoảng giữa lượng bằng nhau;
 Bốn bên bằng vách sắt,
 Bốn cánh cửa cũng sắt.
 Đất sắt lửa cháy bùng,
 Chúng cháy rực khắp nơi;
 Ngang dọc trăm do tuần,
 Hừng hực không đoạn dứt.
 Điều phục phi chư hành,
 Khảo tri người cang cường;
 Cho đau đớn lâu dài,
 Khổ này khó thể thấy.
 Người thấy sanh sợ hãi,
 Run sợ, lóng đứng đứng.
 Khi đọa địa ngục này,
 Chúc đầu xuống, chân lên.
 Ngăn³ người tu hành phạm hạnh
 Tâm nhu hòa bậc Thánh;
 Nơi chỗ Hiền thánh này,
 Khinh tâm khởi phi nghĩa,
 Và sát hại chúng sanh,
 Đọa địa ngục nóng này.
 Quần quại ở trong lửa,
 Giống như cá nướng lửa.
 Thống khổ kêu, la hét,
 Như tiếng đàn voi chiến.
 Lửa lớn tự nhiên sanh,
 Đó do nghiệp của chúng.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

³. Nguyên bản: chỉ 止; bản Tống: chánh 正.

KINH 1245. ÁC HÀNH⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nào bỏ ác hành nơi thân, có thể đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân. Người nào không đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân, Ta không nói người đó xả bỏ ác hành nơi thân⁵. Do vì người kia có thể đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân, cho nên Ta nói người đó xả bỏ ác hành nơi thân. Thân ác hành, không đem lại nghĩa lợi an lạc cho chúng sanh. Lìa bỏ ác hành nơi thân, tất được nghĩa lợi an lạc. Cho nên Ta nói hãy xả bỏ thân ác hành. Khẩu, ý ác hành cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1246. LUYỆN KIM⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại thành Vương xá, tại trú xứ của người thợ vàng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như người đúc vàng, gom đất cát lại bỏ vào máng. Sau đó dùng nước dội lên. Những thứ nặng thô, tạp uế và các thứ đá vụn⁷, đất rắn,

⁴. Pāli, A.3. 17. Pāpaṇika.

⁵. A.3.17: Ba pháp khiến tự hại, hại người, hại cả hai (attavyābādhāyapi... paravyābādhāyapi... ubhayavyābādhāyapi saṃvattati); đó là, ác hành nơi thân, miệng, ý.

⁶. Ấn Thuận, “Tụng vii. Như Lai sở thuyết; 49. Tương ưng thí dụ”, mười chín kinh, Đại Chánh, 1246-1264. –Đại Chánh, kinh 1246, tương đương Pāli, A.3. 100. Suvaṇṇakāra (phần đầu).

⁷. Nguyên bản, trên chữ cương thạch 剛石, có bốn chữ: thô thượng phiền não 疊上煩惱, Ấn Thuận lược bỏ vì cho là dư thừa theo ngữ cảnh. Nhưng bản Pāli nói: o fārika upakkilesā, trong đó upakkilesā bản Hán hiểu là “thượng phiền não” thay vì là “các thứ tạp uế”.

theo nước trôi đi. Nhưng những hạt cát thô vẫn còn kết dính. Lại dùng nước dội vào; những hạt cát thô ấy theo nước trôi đi. Sau đó mới có vàng nguyên⁸, nhưng vẫn bị những thứ cát mịn bị đất đen kết dính. Lại dùng nước dội lên, những hạt cát mịn, đất đen theo nước trôi đi. Sau đó còn lại vàng ròng thuần tịnh không tạp. Nhưng vẫn còn cáu bợn rất nhỏ, tỳ vàng. Tiếp đó, người thợ vàng đem nó bỏ vào lò, thut ống bê để tăng lửa cho nó tan thành dung dịch, loại bỏ hết cáu bợn. Nhưng vàng nguyên vẫn chưa nhẹ, chưa mềm, chưa phát ánh sáng; gấp lại, kéo ra, còn bị gãy. Người luyện vàng hay người đệ tử luyện vàng lại phải bỏ vào lò, thut bê cho lửa tăng, lật qua, lật lại để hun đúc, sau cùng, vàng nguyên mới nhẹ mềm, trở thành bóng loáng, gấp, kéo, không bị gãy, tùy theo ý muốn, làm các loại đồ trang sức như xoa, bông tai, vòng, xuyến.

“Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm⁹ cũng như vậy. Những phiền não thô đang quấn chặt¹⁰, nghiệp ác bất thiện, các tà kiến ác, dần dần được đoạn trừ khiến cho tiêu diệt; như vàng nguyên kia phải loại bỏ đi những đá vụn, đất rắn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm tiếp đến từ bỏ những cáu bợn thô như dục giác, nhuế giác, hại giác¹¹; như vàng nguyên được loại bỏ cát sạn thô.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm tiếp tục loại bỏ những cáu bợn vi tế như giác tưởng về thân tộc, giác tưởng vì nhân chúng, giác tưởng về sanh thiên, bằng tư duy mà loại trừ; như vàng nguyên kia được loại bỏ đi bụi bặm, cát mịn, đất đen.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm, khi có giác tưởng về thiện pháp¹², bằng tư duy mà trừ diệt, cho tâm thanh tịnh; giống như vàng nguyên được loại bỏ đi những cáu bợn có màu như vàng ròng, để trở thành thuần tịnh.

⁸. Sanh kim 生金. Pāli: jātarūpa, vàng nguyên, chưa chế biến.

⁹. Pāli: adhicittam anuyuttasa bhikkhuno, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm (tu định).

¹⁰. Trên kia dịch: thô thượng phiền não. Pāli: O ārīkā upakkilesā.

¹¹. Ba bất thiện tâm. Pāli: tayo akusalavitakkā, kāmavitakko, vyāpādavitakko, vihiṁsavitakko, tham dục, thù hận, ác hại.

¹². Chỉ ba thiện tâm. Pāli: tayo kusalavitakkā: nekkhammavitakko, avyāpāda-vitakko, avihimṁsavitakko, viễn ly tâm, vô sân tâm, bất hại tâm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đối với các tam-muội được duy trì bởi hữu hành¹³, cũng giống như ao nước có bờ giữ chung quanh. Còn được duy trì bởi pháp, thì không được tịch tĩnh, thăng diệu, không được sự an lạc của chỉ tức, diệt tận các hữu lậu; như thây trò thợ vàng đãi lọc vàng nguyên, loại bỏ những cát bẩn, nhưng chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, uốn lại kéo ra bị gãy, không thể làm đồ trang sức theo ý muốn được.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi đã đắc các tam-muội, không cần được duy trì bởi hữu hành, được tịch tĩnh thăng diệu, được con đường dẫn đến an lạc của chỉ tức, nhất tâm nhất ý, diệt tận các hữu lậu; như thây trò thợ vàng luyện lọc vàng nguyên cho đến khi nó nhẹ, mềm, bóng loáng, tùy ý uốn vào kéo ra.

“Lại nữa, Tỳ-kheo lìa các giác quán, cho đến đắc đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền; chánh thọ như vậy thuần nhất thanh tịnh, lìa các phiền não, nhu nhuyễn, chân thật, bất động. Nếu muốn tác chứng các nhập xứ kia¹⁴ tất có thể được tác chứng; như thợ vàng, luyện lọc vàng nguyên đến mức nhẹ, mềm, bóng loáng, không gãy, muốn làm đồ gì tùy theo ý muốn. Cũng vậy, Tỳ-kheo chứng nhập tam-muội¹⁵,... cho đến đối các nhập xứ, đều có thể tác chứng được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1247. BA TƯỚNG¹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phải nên chuyên tâm phương tiện tùy thời tư duy về ba tướng. Những gì là ba? Tùy thời tư duy về tướng chỉ, tùy thời tư duy về tướng

¹³. Pāli: abhisamkūra, sự nỗ lực thực hành, sự dụng công.

¹⁴. Chỉ bốn xứ của vô sắc định.

¹⁵. Tam-muội chánh thọ 三昧正受.

¹⁶. Pāli, A.3. 100. Suvaṇṇakāra (phần sau).

cử, tùy thời tư duy về tướng xả¹⁷. Nếu Tỳ-kheo chỉ một mực tư duy tướng chỉ, thì ở nơi đó tâm trở thành hạ liệt. Nếu chỉ một mực tư duy tướng cử, thì ở nơi đó, tâm trao loạn khởi lên. Nếu chỉ một mực tư duy tướng xả, thì ở nơi đó không được chánh định, để diệt tận các hữu lậu. Vì Tỳ-kheo kia tùy thời tư duy tướng chỉ, tùy thời tư duy tướng cử, tùy thời tư duy tướng xả, nên tâm được chánh định và diệt tận các hữu lậu. Như thây trò thợ vàng, lấy vàng nguyên bỏ vào trong lò rồi cho tăng lửa, tùy thời quạt ống bệ, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai. Nếu chỉ một mực thụt ống bệ, thì ở đây vàng nguyên sẽ tiêu tan hết. Nếu chỉ một mực dội nước, thì ở đây vàng nguyên trở thành chai cứng. Hoặc ngưng cả hai, thì ở đây vàng nguyên không chín tới, không thể dùng được. Cho nên thây trò thợ vàng thiện xảo, đối với vàng nguyên kia tùy thời thụt bệ, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai, vàng nguyên như vậy mới đúng độ, tùy theo việc mà sử dụng. Cũng vậy Tỳ-kheo chuyên tâm phương tiện thường xuyên tư duy niệm tưởng ba tướng, ... cho đến lậu tận.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1248. CHĂN BÒ (1)¹⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, tại nước Ma-kiết-đề có người chăn bò ngu si không có trí tuệ. Cuối hạ đầu thu, không chịu xem xét kỹ bờ này sông Hằng, cũng không chịu xem xét kỹ bờ kia sông Hằng, mà lùa bầy bò xuống bờ đốc dựng đứng, lên bờ đốc dựng đứng, giữa dòng nước xoáy, phát sanh nhiều tai nạn.

“Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, tại nước Ma-kiết-đề có người chăn bò, không ngu, không si, có phương tiện trí tuệ. Cuối hạ

¹⁷. Chỉ tướng, cử tướng, xả tướng 止相舉相捨相 . Pāli: samādhinimitta, paggahanimitta, upekkhanimitta, định tướng, tinh tấn tướng, xả tướng.

¹⁸. Pāli, M. 34. Cūla-Gopālaka; Cf. N°125(43.6).

đầu thu có thể xem xét kỹ bờ này sông Hằng, xem xét kỹ bờ kia sông Hằng; khéo lùa bò qua sông, đến hang núi rộng bẳng, nơi cỏ tươi, nước sạch. Khi bắt đầu lùa bò qua sông, trước tiên lùa những con bò lớn có khả năng làm đầu đàn để chặn bớt dòng nước đang chảy xiết kia; tiếp đến, lùa những con bò trẻ sung sức, theo sau qua sông; sau cùng, lùa những con bò nhỏ gầy yếu theo phía dưới dòng nước. Tất cả đều theo thứ lớp qua sông an ổn. Những con nghé mới sanh, quyến luyến mẹ chúng, cũng theo sau mẹ qua được bờ kia.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, nên hiểu nghĩa của thí dụ mà Ta đã nói này. Những người chăn bò ngu si vô trí ở nước Ma-kiệt-đè kia, là lục sư ngoại đạo, Phú-lan-na Ca-diếp và những người khác, cũng lại như vậy. Tập hành những tà kiến, hướng đến đường tà, như người chăn bò ngu si vô trí kia, cuối hạ đầu thu không xem xét kỹ bờ bên này bờ bên kia, dốc dựng đứng, núi hiểm trở, xuống bờ dốc, lên bờ dốc, giữa dòng nước xoáy, phát sanh nhiều tai nạn. Cũng vậy, các lục sư ngoại đạo Phú-lan-na Ca-diếp v.v... ngu si, vô trí, không biết xem xét bờ này, là chỉ cho đời này; không biết xem xét bờ kia, là chỉ cho đời khác; giữa dòng nước chảy xoáy, là chỉ cho các ma cảnh, tự gấp những khổ nạn. Những tà kiến kia, những sở học được tập hành, đều dẫn đến các hoạn nạn.

“Người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đè kia không ngu, không si, có phương tiện trí tuệ, là chỉ cho Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như người chăn bò xem xét kỹ bờ này, xem xét kỹ bờ kia, khéo lùa bò qua sông, đến hang núi rộng bẳng; trước tiên lùa những con bò lớn có khả năng làm đầu đàn để chặn ngang dòng nước đang chảy xiết, an ổn qua bờ kia. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta diệt tận các lậu, ... cho đến tự biết không còn tái sanh, cắt ngang dòng ác ma tham dục thế gian, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

“Như người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đè, kế đến, thứ hai, lùa những con bò trẻ sung sức, cắt ngang dòng nước mà qua. Cũng vậy, các hàng Thanh văn của Ta đoạn tận năm hạ phần kết sử, được A-na-hàm, đối với việc họ sanh kia, không trở lại cõi này nữa; lại cũng cắt đứt dòng tham dục ác ma, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

“Như người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đè, tiếp đến, thứ ba, lùa bầy bò nhỏ yếu theo phía dưới dòng, được qua an ổn. Cũng vậy, hàng

Thanh văn của Ta đã đoạn ba kết; tham, sân, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm, tái sanh cõi-này một lần, rốt ráo hết khổ, cắt ngang dòng ác ma tham dục kia, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

“Như người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đè, những con nghé mới sanh, quyến luyến mẹ chúng cũng theo mà qua sông được. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta đã đoạn ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác, nhất định hướng thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo hết khổ, cắt đứt dòng ác ma tham dục, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đời này và đời khác,
Minh trí khéo hiển bày:
Chỗ ma đến, không đến;
Cho đến đối ma chết¹⁹.
Tất cả đều được biết,
Bằng trí Đẳng chánh giác;
Cắt đứt các dòng ma,
Phá hoại, khiến tiêu mất.
Khai mở cửa cam lộ,
Hiển hiện đạo chánh chân;
Tâm luôn luôn vui vẻ,
Đến được nơi an ổn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 1249. CHĂN BÒ (2)²⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁹. Pāli: ayam loko param loko, jānatā suppakāśīto, yañ ca mārena samapatto, appattam yañ ca maccunā, bậc minh trí khéo soi tỏ đời này và đời sau, chỗ nào Ma đến được, chỗ nào tử thần không đến được.

²⁰. Pāli, M. 33. Mahā-Gopālaka; No 125(49.1).

“Người chăn bò nếu có đủ mươi một pháp, sẽ không thể làm cho bò tăng trưởng, cũng không thể giữ gìn bầy bò lớn được an ổn. Những gì là mươi một? Không biết sắc; không biết tướng; không biết trừ trùng; không băng vết thương; không un khói; không biết chọn đường; không biết chọn chỗ nghỉ²¹; không biết chỗ qua sông; không biết chỗ cho ăn²²; vắt hết sữa của bò; không biết chăm sóc con đầu đàn. Đó gọi là người có đủ mươi một pháp thì không thể chăn giữ đàn bò lớn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đủ mươi một pháp, không thể tự mình an ổn, cũng không thể an ổn cho người khác. Những gì là mươi một điều? Không biết sắc; không biết tướng; không thể trừ trùng hại; không băng vết thương; không thể un khói; không biết đường chính; không biết chỗ dừng nghỉ; không biết chỗ vượt qua; không biết chỗ để ăn; vắt hết sữa của bò; hoặc có Thượng tọa đa văn kỳ cựu, tu phạm hạnh lâu, được Đại Sư khen ngợi, mà không hướng đến các phạm hạnh có minh trí để khen ngợi đức độ kia, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cung dưỡng.

“Thế nào là không biết sắc? Những gì có sắc, tất cả đều là bốn đại và sở tạo từ bốn đại. Đó gọi là không biết như thật về sắc.

“Thế nào gọi là không biết tướng? Không biết như thật về sự nghiệp nào là tướng lỗi, sự nghiệp nào là tướng tuệ²³. Đó gọi là không biết tướng.

“Thế nào gọi là không biết trừ trùng. Dục giác²⁴ đã khởi mà nhẫn thọ, không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt; sân nhuế, hại giác đã khởi, mà nhẫn thọ, không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt. Đó gọi là không biết trừ trùng.

“Thế nào là không băng vết thương? Mắt thấy sắc, theo đó nếm giữ hình tướng. Do không thủ hộ mắt, khiến cho tham ưu thế

²¹. Bất tri trạch xứ 不知擇處; đoạn dưới: bất tri chỉ xứ 不知止處. Pāli: na pītam jānāti, không biết nước uống.

²². Bất tri thực xứ 不知食處; đoạn dưới: bất tri phóng mục xứ 不知放牧處. Pāli: na gocarakosalo hoti, không thiện xảo hành xứ, hay mục trường.

²³. Pāli: kammalakkhaṇo bālo kammalakkhaṇo paññito, nghiệp tướng kẻ ngu, nghiệp tướng người trí.

²⁴. Dục giác; Pāli: kāmavitakka, tâm cầu dục.

gian, pháp ác bất thiện chảy lọt vào tâm mà không thể phòng hộ²⁵. Tai mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là không băng vết thương.

“Thế nào là không un khói? Như những pháp đã nghe, như những pháp đã thọ, không thể vì người phân biệt, chỉ rõ. Đó gọi là không un khói.

“Thế nào là không biết chánh đạo? Tâm Chánh đạo và Thánh pháp luật, đó gọi là đạo. Kia không biết như thật; đó gọi là không biết chánh đạo.

“Thế nào là không biết chỗ nghỉ²⁶? Đối với những pháp mà Như Lai sở tri²⁷, không đạt được sự hoan hỷ, sự hân hoan, sự thắng diệu, sự ích lợi xuất ly²⁸. Đó là không biết chỗ dừng nghỉ.

“Thế nào là không biết chỗ vượt qua? Không biết Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tì-dàm, không biết tùy thời đến thừa hỏi thỉnh thọ, rằng, ‘Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội; tạo những pháp nào là pháp thù thắng không phải ác?’ Đối với pháp ẩn mật thì không thể khai phát, đối với pháp hiển lộ thì không thể hỏi rộng, đối với cú nghĩa sâu xa đã tự biết mà không thể diễn rộng chỉ rõ. Đó gọi là không biết chỗ vượt qua.

“Thế nào là không biết chỗ chăn thả bò? Bốn Niệm xứ và pháp luật Thánh hiền, gọi là chỗ chăn thả bò. Ở đó mà không biết như thật, thì đó gọi là không biết chăn thả bò.

“Thế nào là vắt hết sữa? Hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hay gia chủ kia, tự tại bố thí y phục, đồ ăn thức uống, giường nầm, thuốc men

²⁵. Pāli: yatvādhiκaraṇam enaṃ cakkhundriyam asaṃvuttaṃ viharantam abhijjhādomanassā pāpaka akusalā dhammā anvāssaveyyum, tassa saṃvarāya na paṭipajjati, nó không tu tập để phòng hộ nguyên nhân mà do sống không phòng hộ nhân căn, nên tham ưu, các pháp ác bất thiện tuôn chảy vào.

²⁶. Xem cht.22 trên.

²⁷. Pāli: tathāgataappavedite dhammadvinaye, ở nơi pháp luật mà Như Lai đã tuyên thuyết. Pavedita, được công bố; bản Hán hiểu là vedita, được kinh nghiệm hay được biết.

²⁸. Pāli: na labhati athavedam, na labhati dhammavedam, na labhati dhammūpasamhitam pamojjam, không đạt được sự tín thọ đối với nghĩa, tín thọ đối với pháp, không đạt được sự hoan hỷ liên hệ đến pháp.

và những vật dụng trong đời sống; Tỳ-kheo thợ dụng không biết hạn lượng, đó gọi là vất hết sưa.

“Thế nào là đối với các Thượng tọa, Đại đức đa văn kỳ cựu, ... cho đến không hướng đến chỗ các vị thắng trí, phạm hạnh, xưng dương công đức kia, khiến cho họ tôn trọng thừa sự, cung dưỡng để được an vui? Là Tỳ-kheo không tán dương Thượng tọa kia, ... cho đến khiến các bậc trí tuệ phạm hạnh đi đến chỗ đó, đem thân khẩu ý nghiệp tùy thuận thừa sự. Đó gọi là không hướng đến những bậc Thượng tọa đa văn kỳ túc,... cho đến, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cung dưỡng.

“Người chăn bò kia nếu có đủ mười một pháp thì có thể làm cho đàn bò kia tăng trưởng, bảo vệ bầy bò, làm cho vui vẻ. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, nói rõ ràng phân biệt như trên, ... cho đến có thể lãnh đàn, tùy thời liệu lý, khiến được an ổn. Đó gọi là người chăn bò có đủ mười một pháp, sẽ khiến cho bầy bò tăng trưởng, bảo vệ khiến chúng được an ổn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đầy đủ mười một pháp, tự mình sẽ được an lạc, cũng có thể làm cho người khác được an lạc. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, ... cho đến nói đầy đủ phân biệt rõ ràng. Đó gọi là Tỳ-kheo có đủ mười một điều, tự mình an và làm cho người an.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1250. NA-ĐỀ-CA (1)²⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la³⁰, tại tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la. Lúc ấy, cũng có Tôn giả Na-đề-ca³¹ đã từng ở trong tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la.

Bấy giờ, Sa-môn, Bà-la-môn ở tụ lạc ấy nghe tin Sa-môn Cù-

²⁹. Pāli, A. 5. 30 Nāgita, A. 6. 42 Nāgita, A. 8. 86. Yasa.

³⁰. Nhất-xa-năng-già-la 一奢能伽羅 . Pāli: icchānaṅgaṭa.

³¹. Na-đề-ca 那提迦 . Pāli: Nāgita.

đàm đang trú tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đã đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la, tại tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la. Nghe rồi, mỗi người đều sửa soạn một cái chõ đồ ăn để bên cửa³², họ tự nghĩ: ‘Ta cung dưỡng Thế Tôn trước, ta cung dưỡng Thiện Thệ trước.’ Mỗi người tự cao giọng lớn tiếng xướng lên như vậy. Bấy giờ, Thế Tôn nghe trong viên lâm có tiếng nói to lớn của nhiều người, liền hỏi Tôn giả Na-đè-ca:

“Nhân gì, duyên gì, ở trong viên lâm có tiếng nói to lớn nhiều người như vậy?”

Tôn giả Na-đè-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Đây là các Sa-môn, Bà-la-môn, Gia chủ ở tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la, nghe tin Thế Tôn ở trong rừng này, mỗi người sửa soạn một chõ đồ ăn đem để trong viên lâm và tự họ xướng lên: ‘Ta cung dưỡng Đức Thế Tôn trước, ta cung dưỡng Đức Thiện Thệ trước.’ Vì vậy nên có tiếng nói to lớn của nhiều người ở trong rừng này. Cúi xin Thế Tôn hãy nhận đồ ăn của họ.”

Phật bảo Na-đè-ca:

“Chớ đem lợi dưỡng cho Ta, Ta không cầu lợi. Chớ xưng tụng Ta, Ta không cầu xưng tụng. Này Na-đè-ca, nếu có ai, đối với sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác mà Như Lai đạt được dễ dàng như vậy, đối với những thứ lợi lạc như kia, mà nếm vị, mà mong cầu³³. Na-đè-ca, duy Ta đối với sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế ấy, không cầu mà được, không khổ nhọc mà vẫn được; thì Ta há có nếm vị, mong cầu những thứ lợi lạc được khởi lên như thế kia? Này Na-đè-ca, các ngươi do không đạt được sự an lạc

³². Pāli: bahidvārakoṭṭhake atthamṣu uccāsaddā mahāsaddā, họ đứng ngoài cổng vào, cao giọng, lớn tiếng.

³³. Chỗ này, Hán dịch hơi tối nghĩa. So sánh Pāli: yo kho, nāgīta, nayimassa nekkhamasukhassa pavivekasukhassa upasamasukhassa sambodhasukhassa nikālamalābhī assa akicchalābhī akasirālābhī, yassāham nekkhamasukhassa... akasirālābhī, so tam mīhasukham middhasukham lābhasakkarasilokasukham sādiyeyya, Những ai không đạt được dễ dàng, không mệt nhọc, không khó khăn, sự an lạc do xuất ly, viễn ly... này, mà Ta đạt được dễ dàng..., thì những người ấy có thể thụ hưởng sự an lạc như phân dơ ấy, sự an lạc ngủ nghỉ, sự an lạc do lợi lộc, cung kính, danh vọng ấy.

do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế kia, nên không đạt được sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

“Này Na-đề-ca, chư Thiên cũng không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế kia; sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc. Chỉ có Ta đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế kia, an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc; Ta há có nếm vị, mong cầu những thứ lợi lạc được khởi lên như thế kia?”

Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con muốn nêu thí dụ.”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Nên biết đúng thời.”

Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, ví như trời mưa, dòng nước thuận dòng chảy xuống. Ở nơi nào mà Thế Tôn dừng chân, ở nơi đó các Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hay Gia chủ kia kính tín phụng thờ. Vì Thế Tôn giới đức thanh tịnh, chánh kiến chân trực. Cho nên nay con thưa như vậy, cúi xin Thế Tôn thương xót nhận lời mời của họ.³⁴”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Chớ đem lợi cho Ta, Ta không cầu lợi, ... thì Ta há có nếm vị, mong cầu...?”

“Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo ăn ngon; ăn xong rồi nằm ngửa bụng mà thở gấp, thở dài. Thấy vậy rồi, Ta tự nghĩ, như trưởng lão này không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác, sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

“Lại nữa, Na-đề-ca, Ta thấy ở đây có hai Tỳ-kheo ăn ngon; ăn xong, no bụng, thở dốc, ưỡn người mà đi. Ta tự nghĩ, những trưởng lão kia không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác, sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

“Này Na-đề-ca, Ta thấy nhiều Tỳ-kheo ăn ngon, ăn xong đi từ vườn này đến vườn kia, từ phòng này đến phòng kia, từ người này đến người kia, từ đám đông này đến đám đông kia. Thấy vậy rồi, Ta tự

³⁴. Pāli: adhivāsetu dāni, bhante, bhāgvā..., bạch Thế Tôn, xin hãy kiên nhẫn chịu đựng.

nghĩ, những trưởng lão kia như vậy không thể đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác; chỉ có Ta mới đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế ấy.

“Lại nữa, này Na-đề-ca, một thời, Ta đi trên đường, thấy có Tỳ-kheo đi xa ở trước, lại cũng có Tỳ-kheo từ sau xa đến³⁵. Ta bấy giờ nhàn tĩnh vô vi, cũng không có sự mệt nhọc vì sự đại tiểu tiệm³⁶. Vì sao? Y vào ăn uống, tham đắm mùi vị nên có đại tiểu tiệm, đó là y tựa. Quán sát sự sanh diệt của năm thọ ấm, mà sống yểm ly, đó là y tựa. Đối với sáu xúc nhập xứ quán sát tập diệt, mà sống yểm ly, đó là y tựa. Đối với cái vui đám đông hội tụ, siêng năng tụ tập nhóm họp, mà chán ghét sự viễn ly, đó là y tựa. Ưa thích tu tập viễn ly, siêng năng nơi viễn ly, mà yểm ly đám đông tụ hội, đó là y tựa. Cho nên, này Na-đề-ca, nên học như vậy. Đối với năm thọ ấm, quán sát sanh diệt, đối với lục xúc nhập xứ, phải quán sát tập diệt, ưa thích viễn ly, tinh cần viễn ly, nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Na-đề-ca nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi đi.

**

KINH 1251. NA-ĐỀ-CA (2)³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến ở tại tụ lạc Na-lăng-già-la³⁸.

Nói đầy đủ như trên, ... cho đến “... mong cầu những thứ lợi lạc được khởi lên như thế kia?”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Ta thấy bên cạnh tụ lạc có tinh xá, có Tỳ-kheo tọa thiền. Thấy

³⁵. Tham chiếu bản Pāli: (...) na kiñci passāmī purato vā pacchato vā... không thấy bất cứ ai ở phía trước hay phía sau.

³⁶. Hán: tiệm lợi chi lao 便利之勞. Pāli:... phāsu me, nāgita, tasmiṃ samaye hoti antamaso uccārapassāvakammāyā ti, lúc ấy Ta thoả mái cho đến cả việc đại tiểu tiệm.

³⁷. Pāli, A.6. 42. Nāgita.

³⁸. Na-lăng-già-la tụ lạc 那楞伽羅聚落. Kinh 1250: Nhất-xa-năng-già-la.

rồi Ta tự nghĩ, những người trong tụ lạc này, hoặc Sa-di, qua iai, gây tiếng động ồn ào, làm rối loạn, gây chướng ngại thiền tư cho Tôn giả này, khiến cho tinh giấc chánh thọ³⁹, cản trở ước muốn đến chỗ chưa đến, muốn đạt chỗ chưa đạt, muốn chứng chỗ chưa chứng. Na-đè-ca, Ta không hài lòng Tỳ-kheo ấy sống ở tinh xá cạnh tụ lạc.

“Na-đè-ca, Ta thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, nằm ngửa mà than thở⁴⁰. Thấy rồi Ta tự nghĩ, nay⁴¹ Tỳ-kheo này sau khi ngủ dậy, sẽ tư niệm với ý tưởng về rừng vắng nhàn tĩnh⁴². Nay Na-đè-ca, Ta cũng không hài Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy⁴³.

“Này Na-đè-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, ngồi lắc lư mà ngủ gật. Thấy rồi, Ta tự nghĩ, nay Tỳ-kheo này, sau khi thức dậy, sẽ chứng đắc định chưa từng chứng đắc; do tâm định mà được giải thoát. Cho nên, Na-đè-ca, Ta cũng không hài Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy⁴⁴.

“Này Na-đè-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, ngồi ngay thẳng nhập chánh thọ. Thấy rồi, Ta tự nghĩ, nay Tỳ-kheo này, nếu chưa giải thoát, sẽ nhanh chóng được giải thoát. Nếu đã giải thoát, sẽ khiến tự phòng hộ, không để thoái thất. Na-đè-ca, Ta sẽ hài lòng Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy.

“Này Na-đè-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh. Tỳ-kheo ấy về sau rời xa chỗ rừng vắng, tập xả giường, ngọa cụ, lại trở về tụ lạc nhận lấy giường, ngọa cụ. Nay Na-đè-ca, Ta cũng không hài lòng Tỳ-kheo trở lại thôn xóm như vậy.

“Lại nữa, này Na-đè-ca, Ta thấy Tỳ-kheo sống ở tinh xá nơi thôn xóm, đức nhiều nổi tiếng, được các thứ tài lợi, y phục, ẩm thực, thuốc men, đủ thứ. Tỳ-kheo ấy sau đó bỏ hết lợi dưỡng, làng xóm,

³⁹. Pāli:... vā tam tamhā samdhimhā cāvessati, sẽ khiến vị ấy xuất khỏi thiền định.

⁴⁰. Pāli:... araññikamaraññe asamāhitam nisinnam, Tỳ-kheo a-lan-nhā ngồi trong rừng mà không nhập định.

⁴¹. Nguyên bản: kim 金 . Bản Nguyễn-Minh: linh 令 .

⁴². Pāli: araññasaññamyeva manasikarissati, sẽ tác ý với ẩn tượng về rừng vắng.

⁴³. Pāli: tassa bhikkuno attamano homi araññaviharena, Ta hài lòng Tỳ-kheo sống trong rừng ấy.

⁴⁴. Xem cht.43 trên.

sàng tọa, đến an nghỉ trong rừng vắng nhàn tĩnh. Na-đề-ca, Ta rất hài lòng Tỳ-kheo tập xả lợi dưỡng, chòm xóm, giường nằm, ngoại cụ như vậy, mà sống trong rừng vắng nhàn tĩnh. Na-đề-ca, Tỳ-kheo nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Na-đề-ca nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi đi.

**
*

KINH 1252. MỘC CHẨM⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Những người Ly-xa thường dùng cây gối đầu, tay chân chai cứng⁴⁶, nghi ngờ, sợ sệt, không để cho A-xà-thế vua nước Ma-kiết-đề, con bà Vi-đề-hy thừa cơ hội thuận tiện, cho nên thường răn nhắc chính mình, không sống buông lung. Do họ sống không buông lung nên vua nước Ma-kiết-đề, A-xà-thế con bà Vi-đề-hy không thể rình rập cơ hội thuận tiện. Trong đời vị lai không lâu, những người Ly-xa mặc tình hưởng lạc, vô sự; tay chân mềm mại, lụa là làm gối, từ chi nằm yên, ngủ mặt trời mọc vẫn chưa dậy, sống buông lung. Vì họ sống buông lung nên vua nước Ma-kiết-đề A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, tìm được cơ hội thuận tiện.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, phải tinh cần, phương tiện, kiên cố chịu đựng, không bỏ pháp lành; cho dù gầy còm da bọc xương, cũng phải tinh cần phương tiện, không bỏ pháp lành, cho đến nếu chưa đạt những điều đáng được, không lìa bỏ tinh tấn, thường nghiệp tâm sống không buông lung. Nhờ sống không buông lung nên ma vương Ba-tuần không tìm được cơ hội. Trong đời vị lai có các Tỳ-kheo mặc tình hưởng lạc, vô sự; tay chân mềm mại, lụa là làm gối, từ chi nằm yên, ngủ mặt trời mọc vẫn chưa dậy, sống buông lung. Vì sống buông lung nên ác ma

⁴⁵. Gối bằng gỗ. Pāli, S. 20. 8. Kaliṅgara.

⁴⁶. Nguyên Hán: quy sách 龜坼, nứt nẻ. Ở đây nên hiểu, vì làm việc nhiều nên tay chân chai cứng. Pāli: appamatt ātāpino upāsanasmīm, không buông lung, tích cực trong nhiệm vụ.

Ba-tuần tìm được cơ hội. Cho nên Tỳ-kheo phải học như vậy, tinh cần phương tiện, cho đến nếu chưa đạt những điều chưa được thì không từ bỏ phương tiện."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1253. BÁCH PHỦ⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như có người, buổi sáng đem ba trăm chảo thức ăn bối thí cho chúng sanh, trưa và chiều cũng lại làm như vậy. Người thứ hai, chỉ trong khoảnh khắc tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò. Nếu so sánh, công đức bối thí của người trước không bằng phần trăm, phần nghìn, phần vạn ức, hay dùng toán số thí dụ cũng không thể so sánh được. Cho nên các Tỳ-kheo, phải khởi học như vậy: 'Trong thời gian khoảnh khắc tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1254. GIA ĐÌNH⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thí như gia đình con gái nhiều, con trai ít, nên biết gia đình này dễ bị cướp đoạt bởi giặc trộm. Cũng vậy, người thiện nam, thiện nữ không thể thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò, nên biết người này sẽ dễ bị lừa dối bởi quỷ

^{47.} Pāli, S.20. 4. Ukkā.

^{48.} Pāli, S. 20. 3. Kula.

thần ác. Thí như gia đình có con trai nhiều, con gái ít, sẽ không bị cướp đoạt bởi giặc trộm. Cũng vậy, người thiện nam thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vết sữa bò, sẽ không bị lừa dối bởi các quỷ thần ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn tu tập lòng từ cho đến như trong khoảnh khắc vết sữa bò.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1255. DAO GĂM⁴⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có người có con dao găm, mũi nó rất bén nhọn. Có người khỏe mạnh nói rằng: ‘Tôi có thể dùng tay, hay nắm tay, đập vào con dao của anh, làm cho nó gãy vụn.’ Nay các Tỳ-kheo, người khỏe mạnh kia có thể dùng tay, hay nắm tay đập vào con dao kia, làm gãy vụn chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì con dao găm kia có mũi rất bén nhọn. Người đàn ông kia không thể dùng tay, hay nắm tay đập cho vụn, mà chính tự làm khổn khổ.”

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh cho đến như trong khoảnh khắc vết sữa bò, nếu có quỷ thần ác muốn đến dò tìm chỗ hở, không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Chúng chỉ tự làm thương tổn lại chính mình. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy, thường thường tu tập lòng từ cho đến như khoảnh khắc vết sữa bò.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁴⁹. Pāli, S. 20. 5. Satti.

KINH 1256. MÓNG TAY⁵⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay nhúm đất, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Các ngươi nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều, hay là đất đại địa nhiều?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đất trên móng tay rất quá ít. Đất đại địa này thì vô lượng, vô số, không thể so sánh được.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng vậy, chúng sanh thường xuyên tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh, cho đến như trong khoảnh khắc khảy móng tay, chúng sanh đó ít như đất trên móng tay; còn những chúng sanh thường không tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như trong khoảnh khắc khảy móng tay, số chúng sanh đó nhiều như đất đại địa. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1257. CUNG THỦ⁵¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùm các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hành vô thường, không thường hằng, không an ổn, là pháp biến dịch. Nay các Tỳ-kheo, phải thường xuyên quán sát tất cả các hành, tu tập yểm ly, không ham thích, để giải thoát.”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lỗ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

^{50.} Pāli, S. 20, 2. Nakkhasikha.

^{51.} Pāli, S. 20, 6. Dhanuggaha.

“Bạch Thế Tôn, mạng sống dời đổi, hủy diệt, nhanh chậm như thế nào?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta có thể nói, nhưng người muốn hiểu thì khó!”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Có thể nói thí dụ được chăng?”

Phật bảo:

“Có thể được.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn người, tay cầm cung cứng, cùng lúc bắn ra cả bốn phương. Có một người theo kịp khi tên chưa rơi, chụp lấy bốn mũi tên. Thế nào, Tỳ-kheo, người như vậy là nhanh chóng phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhanh chóng.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người chụp những mũi tên này tuy có nhanh chóng, nhưng có Địa thần Thiên tử còn nhanh chóng hơn người đó gấp bội. Thiên thần Hư không lại nhanh hơn Địa thần gấp bội. Tứ thiên vương lại nhanh hơn Thiên thần hư không gấp bội. Có Nhật nguyệt thiên tử lại nhanh hơn Tứ thiên vương gấp bội. Có thần hướng đạo Nhật nguyệt⁵² lại nhanh hơn Nhật nguyệt thiên tử gấp bội. Nay các Tỳ-kheo, sự thay đổi biến hoại của mạng hành còn nhanh hơn thần hướng đạo Nhật nguyệt gấp bội. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải tinh tấn phuơng tiện quán sát mạng hành là vô thường nhanh chóng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1258. A-NĂNG-HA⁵³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của các Tiên

⁵². Đạo nhật nguyệt thần 尊日月神 . Pāli: devā candimasuriyānam purato dhāvanti, những Thiên thần chạy trước mặt trăng và mặt trời.

⁵³. Pāli, S. 20. 7.Āṇī.

nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một người tên là Đà-xá-la-ha⁵⁴. Người này có một cái trống tên là A-năng-ha⁵⁵, âm thanh rất hay, rất thâm trầm, vang bốn mươi dặm. Trống kia đã lâu nay bị rách thủng. Bấy giờ, thợ bịt trống cắt lột da bò để quấn chung quanh. Tuy được quấn chung quanh, tiếng trống vẫn không cao, không hay, không thâm trầm. Một thời gian sau, trống lại hư mục, da bị tróc mảng lớn, chỉ còn lại là đống gỗ. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ. Do tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, nên đối với những kinh điển⁵⁶ mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiết sáng, khó thấy khó hiểu, không thể suy lường, quyết định nghĩa vi diệu bí mật, là chỗ biết của bậc minh trí; Tỳ-kheo ấy nhận hiểu nhanh chóng và đầy đủ hết, nghe những điều được nói ấy, hoan hỷ kính cẩn tu tập, để được lợi ích xuất ly. Tỳ-kheo đời vị lai không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ; nghe kinh điển mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiết sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ứng với Không⁵⁷, mà không thọ trì liền, không thích đến để nhận lãnh; nghe những lời nói ấy thì không hoan hỷ, không kính cẩn tu tập, không được lợi ích xuất ly. Nhưng đối với những sách dị luận tạp nhам thế gian, văn từ trau chuốt, tạp cú thế tục, thì chuyên tâm lãnh thọ, nghe những lời nói ấy hoan hỷ, kính cẩn tu tập theo, không được lợi ích xuất ly. Đối với Tỳ-kheo ấy, những điều được Như Lai thuyết, sâu xa, chiết sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ứng với Không, ở đây tiêu diệt. Cũng như trống kia vì hư mục nên rách nát, chỉ còn lại đống gỗ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải siêng năng phương tiện tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, đối với những điều mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiết sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ứng với Không, hãy tức thời thọ trì, toàn bộ thọ trì; nghe những lời nói ấy thì hoan hỷ, kính cẩn tu tập, được lợi ích xuất ly.”

^{54.} Đà-xá-la-ha 陀舍羅訶. Pāli: Dasārahā, tên chỉ một nhóm người khattiya.

^{55.} A-năng-ha 阿能訶. Pāli: Ānaka.

^{56.} Trong bản Hán: tu-da-la.

^{57.} Pāli: (suttantā) lokuttarā suññatappatisamyuttā, những kinh điển siêu xuất thế gian, hoàn toàn phù hợp với tính không.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1259. HÒN SẮT⁵⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như hòn sắt ném vào trong lửa, có màu như lửa, được đựng trong bông kiếp-bối. Thế nào, Tỳ-kheo, nó sẽ cháy nhanh chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người ngu si sống nương nơi thôn xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thôn xóm khất thực; không khéo hộ thân, không giữ căn môn, tâm không buộc niệm; nếu thấy thiếu nữ, mà không chánh tư duy, nắm giữ tướng sắc kia, khởi tâm tham dục; dục thiêu đốt tâm, dục thiêu đốt thân. Khi thân tâm đã bị thiêu đốt, xả giới, thoái thất. Người ngu này sẽ lâu dài không được nghĩa lợi, hữu ích. Cho nên, này Tỳ-kheo, phải học tập như vầy: Khéo giữ thân mình, thủ hộ các căn môn, buộc niệm, khi vào thôn khất thực. Phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1260. MIÊU LY⁵⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ, có một con chồn mèo đói khát, gầy yếu, rình con

⁵⁸. Không thấy Pāli tương đương.

⁵⁹. Pāli, S. 20. 10. Bilāra.